

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LƯƠNG MINH TRÍ

**PHIÊN TÒA XÉT XỬ HÌNH SỰ SƠ THẨM
THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN**

Chuyên ngành: Luật Hình sự và Tổ tụng hình sự

Mã số: 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
GS.TS VÕ KHÁNH VINH**

HÀ NỘI - 2016

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1 : NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ PHIÊN TÒA XÉT XỬ HÌNH SỰ SƠ THẨM TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM	6
1.1.Khái niệm và ý nghĩa của phiên tòa xét xử sơ thẩm trong tổ tụng hình sự Việt Nam	6
1.2.Các nguyên tắc tổ tụng hình sự liên quan đến phiên tòa xét xử sơ thẩm	7
1.3.Các quy định của pháp luật về phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm trong pháp luật Tổ tụng hình sự Việt Nam.....	11
1.4.Quá trình hình thành và phát triển các quy định của pháp luật Tổ tụng hình sự Việt Nam về phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm.....	23
1.5.Các quy định về phiên tòa xét xử sơ thẩm trong pháp luật tổ tụng hình sự của một số quốc gia.....	28
Chương 2 : THỰC TRẠNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ PHIÊN TÒA XÉT XỬ HÌNH SỰ SƠ THẨM TẠI THÀNH PHỐ TÂN AN.....	35
2.1.Thực trạng trình tự và thủ tục phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm tại Thành phố Tân An.....	34
2.2.Đánh giá thực trạng phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm tại Thành phố Tân An, tỉnh Long An	50
Chương 3 : HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ PHIÊN TÒA XÉT XỬ HÌNH SỰ SƠ THẨM Ở NƯỚC TA HIỆN NAY	62
3.1.Các định hướng hoàn thiện pháp luật về phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm ở nước ta hiện nay.	62
3.2.Các giải pháp hoàn thiện phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm ở nước ta hiện nay.	63
KẾT LUẬN	71
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	73

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

HDXX	:Hội đồng xét xử
HTND	:Hội thẩm nhân dân
TTHS	:Tổ tụng hình sự
BLTTHS	:Bộ luật tố tụng hình sự
VKS	:Viện kiểm sát
KSV	:Kiểm sát viên
CTPT	:Chủ tọa phiên tòa
TAND	:Tòa án nhân dân

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân ở nước ta hiện nay, vấn đề kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước là một yêu cầu khách quan. Đặc biệt, trước đòi hỏi của xã hội đối với ngành Tòa án, xu hướng đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện, tư tưởng chống làm oan người vô tội được chú trọng. Tòa án phải thật sự là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, đồng thời là công cụ hữu hiệu bảo vệ pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa, đấu tranh có hiệu quả đối với các loại tội phạm. Do đó, ngày 02/1/2002, Bộ chính trị đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp thời gian tới là “...*Khi xét xử, các Tòa án phải đảm bảo cho mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, thực sự dân chủ, khách quan; Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; việc phán quyết của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của người bào chữa, bị cáo, nguyên đơn, bị đơn...*”. Như vậy, vấn đề trọng tâm trong hoạt động cải cách tư pháp là khi xét xử Tòa án chỉ có quyền phán quyết khi đã xem xét đầy đủ, công bằng và khách quan kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Phiên tòa xét xử là giai đoạn tố tụng quan trọng thể hiện tập trung nhất và rõ nét nhất bản chất hoạt động xét xử của Tòa án. Vì thế, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã nhấn mạnh “*Đổi mới việc tổ chức phiên tòa xét xử, xác định rõ hơn vị trí, vai trò, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng theo hướng đảm bảo tính công khai, dân chủ, nghiêm minh; nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp*”.

Những năm gần đây, mặc dù tình hình tội phạm hình sự vẫn diễn biến hết sức phức tạp, các tội phạm có xu hướng gia tăng nhưng thực tế cho thấy, hầu hết các vụ án đã được đưa ra xét xử với sự đổi mới thủ tục xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở những quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và theo tinh thần cải cách tư pháp của Bộ chính trị. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thể hiện được tính khách quan, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của cả Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Phiên Tòa đã thể hiện được tính dân chủ, bình đẳng giữa người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong việc đưa ra chứng cứ, bày tỏ ý kiến, quan điểm của mình. Hội đồng xét xử cũng đã dành khoảng thời gian thỏa đáng cho các bên tranh luận để xác định sự thật khách quan của vụ án. Các phán quyết của Tòa án đã đảm bảo xét xử công bằng, đúng người đúng tội, đúng quy định của pháp luật; không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm và càng ngày số lượng án bị hủy, sửa giảm.

Tuy nhiên, qua thực tiễn áp dụng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 nói riêng và pháp luật tố tụng hình sự nói chung trong quá trình giải quyết vụ án hình sự sơ thẩm, bên cạnh những chuyển biến tích cực góp phần nâng cao chất lượng xét xử thì vẫn còn tồn tại nhiều bất cập, hạn chế. Phiên tòa xét xử hình sự đòi hỏi phải bảo đảm tính tranh tụng nhưng trong hệ thống các nguyên tắc tố tụng hình sự lại chưa quy định nguyên tắc tranh tụng. Các quy định về trình tự, thủ tục xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa chưa thống nhất với các nguyên tắc cũng như điều kiện khác trong Bộ luật tố tụng hình sự; kỹ năng điều khiển phiên tòa của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa vẫn còn nhiều bất cập, hạn chế; việc xét hỏi, tranh luận còn mang tính hình thức; nhiều vụ án Kiểm sát viên không tranh luận với người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác cũng như Luật sư bào chữa không làm tròn hết trách nhiệm của mình.

Xuất phát từ những vấn đề nêu trên và từ nhận thức cần phải đổi mới tổ chức phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là một trong những vấn đề hết sức quan trọng cần nghiên cứu cả về lý luận và thực tiễn, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, tác giả chọn vấn đề “ Phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm trong tố tụng

hình sự Việt Nam từ thực tiễn Thành phố Tân An” làm đề tài luận văn Thạc sỹ luật học tại Học viện khoa học xã hội Việt Nam.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong quá trình nghiên cứu chúng tôi thấy phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là vấn đề đã có nhiều bài viết, công trình nghiên cứu ở nhiều góc độ, nhiều khía cạnh với phạm vi khác nhau. Chẳng hạn như: “ Hoàn thiện một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về thủ tục phiên tòa sơ thẩm đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp” của TS.Hoàng Thị Minh Sơn (Tập chí Luật học số 10/2009); “ Cần sửa đổi bổ sung một số thủ tục tố tụng hình sự theo tinh thần cải cách tư pháp” của Ths. Nguyễn Văn Trọng (Tập chí Tòa án nhân dân số 6/2010); Luận văn thạc sỹ luật học – Học viện khoa học xã hội Việt Nam năm 2009, “ Thủ tục xét xử sơ thẩm theo Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam và hoàn thiện theo tinh thần cải cách tư pháp của nước ta” của tác giả Nguyễn Thị Thủy; “ Về hình thức tổ chức và thủ tục xét xử của phiên Tòa hình sự” của Thạc sỹ Đinh Quế; Luận án tiến sỹ luật học “ Xét xử sơ thẩm trong Tố tụng hình sự Việt Nam” của NCS Võ Thị Kim Oanh...

Tuy nhiên, chưa có công trình nghiên cứu nào về thực trạng tổ chức phiên Tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trong Bộ luật tố tụng hình sự hiện hành để tìm ra những nguyên nhân dẫn đến hạn chế và phương hướng hoàn thiện.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1 Mục đích nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu có tính hệ thống các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự hiện hành về trình tự, thủ tục phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự và so sánh với Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 từ đó đối chiếu với thực trạng phiên tòa xét xử sơ thẩm từ thực tiễn Thành phố Tân An nhằm tìm ra những tồn tại, hạn chế trong việc tổ chức phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm ở nước ta. Thực tiễn cho thấy vai trò của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 là rất quan trọng trong đấu tranh phòng chống tội phạm, góp phần bảo vệ an ninh quốc gia, an toàn xã hội, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, tránh làm oan người vô tội và bỏ lọt tội phạm

3.2.Nhiệm vụ nghiên cứu

Qua nghiên cứu thực trạng phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm tại thành phố Tân An, Long An để tìm ra những hạn chế, tồn tại và những quy định không còn phù hợp, từ đó đề xuất một số phương hướng góp phần hoàn thiện quy định của pháp luật tố tụng hiện hành và một số giải pháp khác nhằm nâng cao chất lượng xét xử đáp ứng theo yêu cầu cải cách tư pháp đảm bảo xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội, nâng cao chất lượng xét xử các phiên tòa hình sự, bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người và bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa. Từ đó xác định nhiệm vụ nghiên cứu là:

- Tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận và pháp luật về phiên tòa xét xử hình sự trong tố tụng hình sự Việt Nam.
- Thực trạng phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm tại thành phố Tân An.
- Các giải pháp hoàn thiện phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm ở nước ta hiện nay.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài:

4.1.Đối tượng nghiên cứu của đề tài

Xuất phát từ phạm vi nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu là các quy định của pháp luật tố tụng hình sự hiện hành về phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trong Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam và từ thực tiễn xét xử phiên tòa hình sự sơ thẩm tại thành phố Tân An, tỉnh Long An.

4.2.Phạm vi nghiên cứu:

Trong phạm vi là một luận văn thạc sỹ luật học thuộc chuyên ngành Luật hình sự, đề tài chỉ tập trung nghiên cứu những vấn đề chung mang tính lý luận và thực tiễn liên quan đến trình tự, thủ tục tố tụng và cách thức tổ chức từ khi khai mạc cho đến khi kết thúc phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Đề tài được nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận của Chủ nghĩa Mác- Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về Nhà nước và pháp luật làm nền tảng và kim chỉ nam cho việc nghiên cứu đề tài.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Để làm sáng tỏ những nội dung trong đề tài, ngoài các phương pháp nghiên cứu truyền thống như phương pháp duy vật biện chứng, so sánh, quy nạp, phân tích và tổng hợp thì tác giả còn sử dụng thêm các phương pháp tổng kết kinh nghiệm, phương pháp thống kê.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của Luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Kết quả nghiên cứu cũng như đề xuất trong luận văn góp phần cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn về phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự cho những người làm công tác thực tiễn xét xử, góp phần nâng cao chất lượng giải quyết các vụ án hình sự sơ thẩm.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo hữu ích cho những ai quan tâm, nghiên cứu pháp luật nói chung, pháp luật tố tụng hình sự nói riêng mà đặc biệt là những quy định về phiên tòa trong Bộ luật tố tụng hình sự hiện hành.

7. Cơ cấu của đề tài

Bố cục đề tài bao gồm các nội dung sau:

-Mở đầu

-Chương 1: Những vấn đề lý luận và pháp luật về phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam

-Chương 2: Thực trạng phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm tại Thành phố Tân An, Long An

-Chương 3: Hoàn thiện phiên toà xét xử hình sự sơ thẩm ở nước ta hiện nay.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ PHIÊN TÒA XÉT XỬ HÌNH SỰ SƠ THẨM TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. Khái niệm và ý nghĩa của phiên tòa xét xử sơ thẩm trong tổ tụng hình sự Việt Nam

1.1.1. Khái niệm về phiên tòa xét xử sơ thẩm trong tổ tụng hình sự Việt Nam

Trong tổ tụng hình sự Việt Nam, hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được coi là giai đoạn trung tâm của quá trình tổ tụng bởi lẽ “*không ai bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật*”. Vậy, để xác định một người có tội và phải chịu hình phạt hay không đòi hỏi phải đưa họ ra xét xử trước phiên tòa, mà trước hết là ở phiên tòa sơ thẩm. Tại phiên tòa, sau khi căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, Luật sư và những người tham gia tố tụng khác Hội đồng xét xử sẽ ra bản án, quyết định xác định có hành vi phạm tội hay không, người thực hiện hành vi phạm tội, hình phạt được áp dụng đối với người thực hiện hành vi phạm tội và giải quyết các vấn đề khác có liên quan trong vụ án hình sự. Như vậy, “*xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là xét xử ở cấp thứ nhất do Tòa án có thẩm quyền thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự*.”[8,tr.451]

Theo từ điển Tiếng Việt của tác giả Vũ Chất được nhà xuất bản Thanh niên ấn hành năm 2011, định nghĩa phiên tòa “*là ngày Tòa nhóm họp để xử án*”, hay theo tác giả Vĩnh Tịnh thì phiên tòa: “*lần Tòa họp để xử án: phiên tòa đại hình*” [từ điển tiếng Việt, trang 868, Nhà xuất bản Lao động năm 2006]. Như vậy, về cơ bản khái niệm phiên tòa được nhiều tác giả, nhà nghiên cứu có cùng chung quan điểm đó là ngày tòa mở ra để xét xử một vụ án cụ thể nào đó.

Do đó, chúng ta có thể hiểu “Phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là ngày Tòa mở ra để xét xử vụ án hình sự ở cấp đầu tiên theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự”.

1.1.2. Ý nghĩa của phiên tòa xét xử sơ thẩm trong Tố tụng hình sự Việt Nam.

Phiên tòa là giai đoạn trung tâm thể hiện rõ nhất, đầy đủ nhất bản chất quá trình tố tụng nói chung và xét xử nói riêng. Phiên tòa có sự tham gia đầy đủ của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng với địa vị pháp lý được xác định. Thông qua phiên tòa, bằng thủ tục trực tiếp, công khai, qua nghe ý kiến và đề xuất của các bên tham gia tố tụng, Tòa án tiến hành xác định sự thật khách quan của vụ án và ra các phán quyết giải quyết vụ án một cách đầy đủ, chính xác, đúng pháp luật góp phần bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ tài sản của tổ chức, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Thông qua phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, những người tham dự phiên tòa cũng như mọi công dân hiểu biết thêm về pháp luật, về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, để từ đó có ý thức tuân thủ pháp luật, tôn trọng các quy tắc của cuộc sống, củng cố thêm niềm tin vào chế độ, vào các cơ quan thực thi pháp luật. Bên cạnh đó, thông qua phiên tòa xét xử trực tiếp công khai, chúng ta có thể đánh giá được trình độ nghiệp vụ của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Kiểm sát viên, Luật sư và những người tham gia tố tụng khác.

Phiên tòa xét xử sơ thẩm phục vụ cho cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ và giữ gìn trật tự kỷ cương của xã hội, xử lý nghiêm minh các hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội, đảm bảo mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, góp phần vào việc xây dựng bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

1.2. Các nguyên tắc tố tụng hình sự liên quan đến phiên tòa xét xử sơ thẩm

Tòa án là cơ quan xét xử của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Để thực hiện tốt chức năng xét xử của mình, đảm bảo cho mọi tội phạm được xét xử nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật, không bỏ sót, lọt tội phạm, không làm oan người vô tội thì trong quá trình giải quyết vụ án nói chung và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm nói riêng đòi hỏi Tòa án phải thực hiện nghiêm chỉnh các nguyên tắc trong Luật tố tụng hình sự. Đó là, ngoài các nguyên tắc xét xử

chung của Tòa án được quy định trong Chương II Bộ luật tố tụng năm 2003 thì tại phiên tòa còn có thể thấy nổi lên các nguyên tắc về thực hiện chế độ xét xử có Hội thẩm tham gia; khi xét xử, Hội thẩm ngang quyền với Thẩm phán; Thẩm phán và Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; Tòa án xét xử tập thể và quyết định theo đa số; Xét xử công khai và Tòa án xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục [Điều 15, 16, 17, 18, 184 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003].

1.2.1. Nguyên tắc thực hiện chế độ xét xử có Hội thẩm tham gia

Điều 15 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định “ *Việc xét xử của Tòa án nhân dân có Hội Thẩm nhân dân, của Tòa án quân sự có Hội thẩm quân nhân tham gia theo quy định của Bộ luật này. Khi xét xử, Hội thẩm ngang quyền với Thẩm phán*”. Như vậy, việc tham gia của Hội thẩm nhân dân là bắt buộc trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, không giống như ở giai đoạn xét xử phúc thẩm không quy định bắt buộc mà chỉ là có thể có Hội thẩm tham gia trong một số trường hợp cần thiết. Tại sao phải có trong thành phần Hội đồng xét xử là Hội thẩm? Câu hỏi này có nhiều cách trả lời khác nhau nhưng có thể hiểu Nhà nước ta là Nhà nước của dân, do dân và vì dân, trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền sự tham gia của Hội thẩm là sự thể hiện tính dân chủ, Hội thẩm nhân dân do Hội đồng nhân dân bầu ra, vì vậy Hội thẩm mang tính nhân dân trong Nhà nước pháp quyền đó. Nguyên tắc này đã cho thấy vị trí pháp lý quan trọng của Hội thẩm trong thành phần Hội đồng xét xử. Tại phiên tòa, Hội thẩm có quyền hạn ngang với Thẩm phán trong việc xét hỏi, Thẩm phán không được ngắt lời khi Hội thẩm đang hỏi. Khi qua mỗi thủ tục, Thẩm phán đều phải hỏi Hội thẩm xem có bổ sung gì không mới được quyền chuyển sang phần tiếp theo. Trong quá trình nghị án, Hội thẩm có quyền đưa ra quyết định của mình mà không phụ thuộc vào ý kiến của Thẩm phán. Các thành viên của Hội đồng xét xử phải biểu quyết theo đa số về từng vấn đề một, khi biểu quyết thì Thẩm phán là người biểu quyết sau cùng đảm bảo cho Hội thẩm không bị lệ thuộc vào ý kiến của Thẩm phán. Nếu ý kiến của Hội thẩm là thiểu số thì Hội thẩm có quyền trình

bày ý kiến của mình bằng văn bản và được bảo lưu ý kiến trong biên bản nghị án và được đưa vào trong hồ sơ vụ án.

1.2.2. Nguyên tắc Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật

Nguyên tắc này quy định về tính độc lập trong xét xử của Hội thẩm và Thẩm phán; Tức là trong quá trình xét xử vụ án, Hội thẩm nhân dân, Thẩm phán không bị ràng buộc bởi bất cứ yếu tố nào khác ngoài pháp luật, không chịu sự can thiệp từ bên ngoài vào hoạt động xét xử. Điều này đã tạo điều kiện cho Tòa án xét xử được khách quan, công bằng, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đồng thời chống được các biểu hiện tiêu cực nhằm từng bước thực hiện công bằng xã hội.

Khi xét xử vụ án hình sự, Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào các tình tiết của vụ án, căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa công khai và căn cứ vào pháp luật để xác định tội phạm cũng như hình phạt đối với người phạm tội. Thẩm phán và Hội thẩm không để cho bất cứ ai vì bất cứ lý do gì chi phối mà xử lý không đúng pháp luật. Thực tiễn cho thấy Tòa án chỉ có thể quyết định xử lý vụ án chính xác khi đã mở phiên tòa. Tính độc lập của Tòa án còn thể hiện ở việc các cơ quan quản lý không được can thiệp vào việc xét xử của Tòa án; Tòa án cấp trên hướng dẫn Tòa án cấp dưới về áp dụng thống nhất pháp luật, nhưng không quyết định trước về chủ trương xét xử cụ thể một vụ án buộc Tòa án cấp dưới phải theo. Khi xét xử, Thẩm phán và Hội thẩm không chỉ độc lập với các cơ quan nhà nước nói trên mà còn độc lập với yêu cầu của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, độc lập giữa các thành viên của Hội đồng xét xử với nhau... Tuy vậy, Thẩm phán và hội thẩm xét xử độc lập, không có nghĩa tách rời đường lối chính sách của Đảng, không có nghĩa là không có sự kiểm soát và giám sát. Tòa án cấp trên có quyền thẩm tra những bản án và quyết định của Tòa án cấp dưới và hủy bỏ chúng trong trường hợp trái pháp luật hoặc không có cơ sở đúng đắn. Hoạt động của Thẩm phán, Hội thẩm và luật pháp có mối liên hệ luôn luôn thống nhất và không thể tách rời nhau. Nếu chỉ độc lập mà không tuân theo pháp luật thì dễ dẫn đến trình trạng xét xử tùy tiện, độc đoán. Còn nếu chỉ tuân theo pháp luật mà không độc lập thì dễ dẫn đến tình trạng thiếu khách quan.

1.2.3. Nguyên tắc Tòa án xét xử tập thể và quyết định theo đa số

Nguyên tắc này là nguyên tắc Hiến định (Điều 103 Hiến pháp 2013) và là một trong những nguyên tắc cơ bản của Luật tố tụng hình sự Việt Nam năm 2003 (Điều 17 Bộ luật tố tụng hình sự 2003, Điều 10 Luật tổ chức Tòa án 2014). Ở giai đoạn xét xử sơ thẩm, thành phần Hội đồng xét xử luôn luôn gồm một Thẩm phán và hai Hội thẩm nhân dân, trong trường hợp đặc biệt thì gồm hai Thẩm phán và hai Hội thẩm. Tuy Thẩm phán và Hội thẩm độc lập trong xét xử nhưng khi biểu quyết để quyết định đưa ra phán xét cuối cùng thì nguyên tắc xét xử tập thể và quyết định theo đa số được áp dụng thực hiện nghiêm chỉnh. Tất cả các quyết định của Tòa án phải được sự thống nhất của tập thể, không phụ thuộc vào ý kiến riêng của từng thành viên Hội đồng xét xử. Mọi vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử phải được bàn bạc và thông qua bằng kết quả biểu quyết theo đa số. Thẩm phán không được quyền tự mình ra quyết định. Đối với những người có ý kiến thiểu số thì họ có quyền trình bày ý kiến của mình bằng văn bản và được lưu vào hồ sơ của vụ án. Nguyên tắc này đã vừa thể hiện tính nhân dân trong Nhà nước pháp quyền vừa đảm bảo cho việc xét xử thận trọng, khách quan, công bằng. Phán quyết chỉ được đưa ra khi có đa số ý kiến đồng ý.

Nguyên tắc này có mối quan hệ mật thiết với một số nguyên tắc khác như nguyên tắc “Thẩm phán và Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật”, nguyên tắc “ xét xử có hội thẩm tham gia”... Việc thực hiện tốt các nguyên tắc khác chính là đảm bảo cho nguyên tắc này được thực hiện có hiệu quả.

1.2.4. Nguyên tắc xét xử công khai

Đây là một trong những nguyên tắc dân chủ của hoạt động xét xử được quy định tại Điều 103 Hiến pháp 2013 “*Tòa án nhân dân xét xử công khai trừ trường hợp do luật định*” và cụ thể hóa trong Điều 18 của Bộ luật tố tụng năm 2003. Theo đó, việc xét xử của Tòa án được tiến hành công khai, mọi người đều có quyền tham dự và theo dõi diễn biến của phiên tòa xét xử. Nguyên tắc xét xử công khai cho phép có thể tường thuật, thông báo trên báo chí, đài phát thanh, truyền hình... về hoạt động xét xử của Tòa án. Trong trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật nhà nước, thuần phong mỹ tục của dân tộc hoặc để giữ bí mật của người chưa thành niên

hoặc giữ bí mật đòi tư theo yêu cầu chính đáng của đương sự thì Tòa án nhân dân có thể xét xử kín, nhưng phải tuyên án công khai. Nguyên tắc này là điều kiện cho phép nhân dân giám sát hoạt động của Tòa án nói chung và các cơ quan tiến hành tố tụng nói riêng. Nó đề cao trách nhiệm của những người tiến hành tố tụng đồng thời giáo dục công dân tôn trọng và nghiêm chỉnh thực hiện pháp luật.

1.3.Các quy định của pháp luật về phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm trong pháp luật Tố tụng hình sự Việt Nam

1.3.1. Quy định về giới hạn xét xử sơ thẩm

Vấn đề giới hạn xét xử của Tòa án được quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 “ *Tòa án chỉ xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và Tòa án đã quyết định đưa ra xét xử. Tòa án có thể xét xử bị cáo theo khoản khác với khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật hoặc về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội mà Viện kiểm sát đã truy tố*”. Nội dung giới hạn xét xử được hướng dẫn tại Nghị quyết số 04 ngày 05/11/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Theo quy định trên, Tòa án không được xét xử những người và những hành vi mà Viện kiểm sát không truy tố. Trong quá trình chuẩn bị xét xử mà Tòa án phát hiện tội phạm mới hoặc người phạm tội mới thì quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 179 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2003. Nếu tại phiên tòa qua xét xử mà Tòa án phát hiện được tội phạm mới hoặc người phạm tội mới thì Hội đồng xét xử ra quyết định khởi tố vụ án hình sự hoặc yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án.

Tòa án chỉ xét xử bị cáo theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và Tòa án đã quyết định đưa ra xét xử. Tòa án không được xét xử theo tội danh nặng hơn tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố. Tuy nhiên Tòa án có thể xét xử bị cáo về tội danh bằng hoặc nhẹ hơn tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố. Tội phạm khác bằng tội phạm mà Viện kiểm sát đã truy tố là trường hợp điều luật quy định về trách nhiệm hình sự đối với hai tội phạm như nhau về hình phạt chính, hình phạt bổ sung. Tội phạm khác nhẹ hơn tội phạm mà Viện kiểm sát đã truy tố là

trường hợp điều luật quy định về trách nhiệm hình sự đối với tội phạm khác nhẹ hơn so với tội phạm mà Viện kiểm sát đã truy tố. Tòa án cũng có thể xét xử bị cáo theo khoản khác với khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố nhưng phải trong cùng một điều luật, khoản khác có thể nhẹ hơn hoặc nặng hơn khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố. Khi thực hiện quyền xét xử bị cáo theo khoản khác nặng hơn thì Tòa án phải ghi rõ trong quyết định đưa vụ án ra xét xử. Nếu khung hình phạt nặng hơn thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án cấp trên thì phải chuyển vụ án để xét xử theo thẩm quyền; nếu khung hình phạt nặng hơn mà đòi hỏi bắt buộc phải có người bào chữa, hội đồng xét xử năm người...theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự thì Tòa án phải đảm bảo thực hiện các quy định này.

1.3.2. Quy định về thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm

Thành phần hội đồng xét xử được quy định tại Điều 185 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 nhằm đáp ứng các nguyên tắc tố tụng hình sự là việc xét xử của Tòa án có Hội thẩm tham gia, nguyên tắc Tòa án xét xử tập thể và quyết định theo đa số. Đây là sự kết hợp tính chuyên nghiệp của Thẩm phán và tính đại diện cho quần chúng của Hội thẩm; đảm bảo cho bản án, quyết định của Tòa án đúng pháp luật đồng thời thể hiện lợi ích chung của xã hội. Tùy theo tính chất, mức độ của vụ án mà hội đồng xét xử được quy định khác nhau bảo đảm thực hiện nguyên tắc trên và giải quyết đúng đắn vụ án.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm một Thẩm phán và hai hội thẩm. Đối với vụ án mà bị cáo bị đưa ra xét xử về tội theo khung hình phạt có mức cao nhất là tử hình thì bắt buộc hội đồng xét xử gồm hai Thẩm phán và ba Hội thẩm nhân dân. Trong trường hợp vụ án có tính chất nghiêm trọng, phức tạp liên quan đến chính sách dân tộc, tôn giáo, những vụ án có nhiều bị cáo, liên quan đến nhiều ngành, nhiều địa phương khác nhau ... thì Hội đồng xét xử có thể gồm hai Thẩm phán và ba Hội thẩm nhân dân. Đối với vụ án là người chưa thành niên thì thành phần Hội đồng xét xử phải có Hội thẩm là giáo viên hoặc cán bộ của tổ chức Đoàn thanh niên.

Trong Hội đồng xét xử thì chủ tọa phiên tòa là người điều khiển phiên tòa. Các thành viên của Hội đồng xét xử phải xét xử vụ án từ khi bắt đầu phiên tòa

cho đến khi kết thúc. Trong quá trình xét xử, nếu có Thẩm phán, Hội thẩm không tiếp tục tham gia xét xử được thì Tòa án vẫn có thể xét xử vụ án nếu có Thẩm phán và Hội thẩm dự khuyết. Những người này phải được ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã được công bố trong phần thủ tục bắt đầu phiên tòa và bản thân họ phải có mặt tại phiên tòa từ đầu thì mới được tham gia xét xử. Trong trường hợp Hội đồng xét xử có hai Thẩm phán và Thẩm phán chủ tọa phiên tòa không tiếp tục tham gia xét xử được thì Thẩm phán là thành viên Hội đồng xét xử làm chủ tọa phiên tòa và Hội thẩm dự khuyết được bổ sung làm thành viên Hội đồng xét xử. Trong trường hợp không có Thẩm phán, Hội thẩm dự khuyết để thay thế hoặc phải thay đổi chủ tọa phiên tòa mà không có Thẩm phán để thay thế theo quy định trên thì vụ án phải bị hoãn và xét xử lại từ đầu.

1.3.3. Quy định về chủ thể tiến hành và tham gia tố tụng trong phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm

-1.3.3.1. Quy định về chủ thể tiến hành tố tụng trong phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm

-Thẩm phán

Trong mỗi giai đoạn tố tụng thì mỗi chủ thể tiến hành tố tụng lại có địa vị pháp lý tương ứng. Tuy nhiên, trong số những người tiến hành tố tụng thì Thẩm phán giữ vị trí, vai trò quan trọng nhất. Bởi lẽ, Chánh án, phó Chánh án Tòa án chỉ là chức danh quản lý theo Luật tổ chức tòa án nhân dân, đồng thời là người đại diện cơ quan tiến hành tố tụng và là người tiến hành tố tụng. Còn Thẩm phán, theo quy định tại Điều 65 Luật tổ chức Tòa án năm 2014 thì: *Thẩm phán là người có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của luật này, được Chủ tịch nước bổ nhiệm để làm nhiệm vụ xét xử, Thẩm phán làm nhiệm vụ quyền hạn quy định tại điều 2 của luật này và các luật có liên quan.* Điều 62 Luật tổ chức Tòa án 2014 còn quy định tiêu chuẩn của thẩm phán: “Thẩm phán phải là công dân Việt Nam, trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, có phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có tinh thần dũng cảm và kiên quyết bảo vệ công lý, liêm khiết và trung thực, có trình độ cử nhân luật trở lên, đã được đào tạo nghiệp vụ xét xử, có thời gian công tác thực tiễn, có năng

lực làm công tác xét xử và có sức khỏe đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao”. Họ là người làm nhiệm vụ xét xử những vụ án và giải quyết những việc khác thuộc thẩm quyền của Tòa án theo sự phân công của Chánh án nơi họ công tác hoặc Tòa án nơi họ được biệt phái đến làm nhiệm vụ có thời hạn; Thẩm phán là người được nhân danh Nhà nước phán quyết một người có tội hay không có tội và áp dụng các mức hình phạt khác nhau tương ứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Thẩm phán được quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng hình sự 2003 như sau: Nghiên cứu hồ sơ vụ án trước khi mở phiên tòa; Tham gia xét xử các vụ án hình sự; Tiến hành các hoạt động tố tụng và biểu quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử; Tiến hành các hoạt động tố tụng khác thuộc thẩm quyền của tòa án theo sự phân công của Chánh án; Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa, ngoài những nhiệm vụ, quyền hạn được nêu trên còn có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây: Quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án; Quyết định triệu tập những người cần xét hỏi đến phiên tòa; Tiến hành các hoạt động tố tụng khác thuộc thẩm quyền của Tòa án theo sự phân công của Chánh án.

Như vậy, có thể thấy Thẩm phán có vị trí rất đặc biệt trong thực hiện quyền tư pháp, là người đại diện cho Nhà nước bảo vệ sự công bằng trong xã hội. Do đó, yêu cầu nâng cao chất lượng hoạt động của Thẩm phán là một việc làm cần thiết và đúng đắn trong bất kỳ giai đoạn nào trong tiến trình phát triển của xã hội.

-Hội thẩm nhân dân

Đối với hội thẩm nhân dân, theo quy định của Hiến pháp năm 2013(điều 103) và Bộ luật tố tụng hình sự 2003 thì việc tham gia của Hội thẩm nhân dân là một trong những yêu cầu bắt buộc trong quá trình xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự. Theo quy định tại Điều 84 Luật tổ chức Tòa án năm 2014 thì Hội thẩm nhân dân thực hiện nhiệm vụ xét xử những vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân theo phân công của Chánh án Tòa án nơi được bầu làm hội thẩm nhân dân.

Cũng giống như Thẩm phán, Hội thẩm cũng có những tiêu chuẩn cụ thể được quy định tại điều 85 Luật tổ chức Tòa án năm 2014, đó là phải là công dân Việt Nam trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, có phẩm chất đạo đức tốt, liêm khiết và trung thực, có kiến thức pháp lý, có tinh thần dũng cảm, kiên quyết bảo vệ công lý, có uy tín trong cộng đồng dân cư, có hiểu biết xã hội, có sức khỏe bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao.(điều 85 Luật tổ chức Tòa án 2014)

Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Hội thẩm được quy định tại Điều 40 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 như sau: Nghiên cứu hồ sơ vụ án trước khi mở phiên tòa; Tham gia xét xử các vụ án hình sự theo thủ tục sơ thẩm, phúc thẩm; tiến hành các hoạt động tố tụng và biểu quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử; Hội thẩm phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi và quyết định của mình.

-Kiểm sát viên

Viện kiểm sát cùng cấp bắt buộc phải cử Kiểm sát viên tham gia phiên tòa sơ thẩm; nếu Kiểm sát viên vắng mặt, bị thay đổi mà không có Kiểm sát viên dự khuyết để thay thế sẽ dẫn đến việc Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa. Theo đó tiêu chuẩn để bổ nhiệm Kiểm sát viên phải là “ Công dân Việt Nam, trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, liêm khiết và trung thực, có trình độ cử nhân luật, đã được đào tạo về nghiệp vụ kiểm sát, có tinh thần kiên quyết bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, có thời gian công tác thực tiễn, có năng lực làm công tác xét xử và có sức khỏe đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao” (Điều 75 Luật tổ chức Viện kiểm sát 2014). Khi tham gia các hoạt động tố tụng hình sự, Kiểm sát viên thực hiện hai chức năng là thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp. Quyền hạn của Kiểm sát viên được quy định tại các Điều 37 Bộ luật tố tụng hình sự 2003; Điều 18 và điều 19 Luật tổ chức Viện kiểm sát 2014. Trong đó, quyền hạn của Kiểm sát viên tham gia xét xử sơ thẩm bao gồm: tham gia phiên tòa; đọc cáo trạng, quyết định của Viện kiểm sát liên quan đến việc giải quyết vụ án; xét hỏi, đưa ra các chứng cứ và

thực hiện việc luận tội; phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, tranh luận với những người tham gia tố tụng tại phiên tòa; Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án, của những người tham gia tố tụng và kiểm sát các bản án, quyết định của Tòa án; kiểm sát việc thi hành bản án, quyết định của Tòa án...

- Thư ký Tòa án

Theo quy định của pháp luật tố tụng, trong hệ thống các chức danh tư pháp của các cơ quan Tòa án, Kiểm sát, Cơ quan điều tra và Thi hành án thì chỉ Tòa án mới có chức danh Thư ký với tư cách là một trong các chủ thể tiến hành tố tụng độc lập. Việc quy định chức danh Thư ký này xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ và chức năng đặc thù của Tòa án. Tại điều 92 Luật tổ chức Tòa án năm 2014 quy định Thư ký là người có trình độ cử nhân luật trở lên và được Tòa án tuyển dụng, được đào tạo nghiệp vụ Thư ký và được bổ nhiệm vào ngạch Thư ký. Sự tham gia của Thư ký Tòa án vào quá trình giải quyết vụ án là một trong các yếu tố, điều kiện không thể thiếu trong hoạt động xét xử của Tòa án. Do đó, Thư ký Tòa án cũng được pháp luật tố tụng quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm cụ thể tại khoản 1 Điều 41 Bộ luật tố tụng hình sự 2003 và điều 92 Luật tổ chức Tòa án 2014 như sau: Phổ biến nội quy phiên tòa; Báo cáo với Hội đồng xét xử danh sách những người được triệu tập đến phiên tòa; ghi biên bản phiên tòa; Tiến hành các hoạt động tố tụng khác thuộc thẩm quyền của Tòa án theo sự phân công của Chánh án Tòa án.

Như vậy, với tư cách là một trong các chủ thể tiến hành tố tụng độc lập, Thư ký Tòa án có những vai trò nhất định góp phần đảm bảo cho hoạt động xét xử của Tòa án được công minh, đúng pháp luật, bảo đảm công bằng xã hội.

1.3.3.2. Quy định về chủ thể tham gia tố tụng trong phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm

Bộ luật tố tụng hình sự nước ta cho đến nay đã nhiều lần sửa đổi những quy định không còn phù hợp và bổ sung xây dựng những quy định mới. Bộ luật bao gồm phần chung và phần riêng được chia thành các chế định... Trong các chế định của Bộ luật tố tụng hình sự thì người tham gia tố tụng được quy định trong chương IV Bộ luật tố tụng hình sự 2003 và là một chế định quan trọng.

Theo quy định đó, người tham gia tố tụng ở giai đoạn xét xử sơ thẩm nói chung bao gồm: Bị cáo, người bào chữa, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người bảo vệ quyền lợi của đương sự, người làm chứng, người giám định, người phiên dịch. Tuy nhiên, giai đoạn tại phiên tòa xét xử sơ thẩm căn cứ vào quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa triệu tập những người cần xét hỏi đến phiên tòa. Như vậy, không phải bất kỳ một vụ án hình sự nào khi đem ra xét xử cũng bao gồm tất cả những người tham gia tố tụng nói trên mà tùy vào từng vụ việc cụ thể, tùy vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tùy vào sự đơn giản hay phức tạp của vụ án mà Thẩm phán triệu tập họ tới tham gia phiên tòa xét xử.

-Bị cáo

Trong số những người tham gia tố tụng tại phiên tòa thì bị cáo là nhân vật trung tâm. Đó là người có hành vi phạm mà sau khi phiên tòa sơ thẩm kết thúc sẽ được xác định là có tội hay không có tội, nếu phạm tội thì phạm tội gì? mức hình phạt là bao nhiêu? trách nhiệm bồi thường thiệt hại thế nào?...

Bị cáo tham gia tố tụng tại tòa từ khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử đến khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Một người sẽ trở thành bị cáo khi bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử, quyết định đó có thể đúng nhưng cũng có thể sai. Vì vậy, khái niệm bị cáo không đồng nghĩa với khái niệm chủ thể phạm tội. Bị cáo chỉ trở thành người có tội nếu sau khi xét xử bị Tòa án ra bản án kết tội và bản án đó có hiệu lực pháp luật.

Bị cáo phải có mặt tại phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án; nếu bị cáo vắng mặt không có lý do chính đáng thì sẽ bị áp giải theo thủ tục pháp luật quy định; nếu bị cáo vắng mặt có lý do chính đáng thì phải hoãn phiên tòa. Tòa án có thể xử vắng mặt bị cáo trong các trường hợp: bị cáo trốn tránh và việc truy nã không có kết quả; bị cáo đang ở nước ngoài nên không thể triệu tập đến phiên tòa và nếu sự vắng mặt của bị cáo không trở ngại cho việc xét xử đồng thời họ đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ. Quyền và nghĩa vụ của bị cáo được quy định cụ thể tại Điều 50 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.

-Người bào chữa:

Là người tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị tạm giam, bị can, bị cáo và giúp đỡ họ về mặt pháp lý. Quyền và nghĩa vụ của người bào chữa được quy định tại điều 190 Bộ luật tố tụng hình sự 2003.

Tại phiên tòa, Người bào chữa là người được bị cáo, người đại diện hợp pháp của họ lựa chọn, hoặc là người được các cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu Đoàn luật sư hoặc Mặt trận tổ quốc cử. Người bào chữa có thể là Luật sư, người đại diện hợp pháp của bị cáo, bào chữa viên nhân dân. Người bào chữa có nghĩa vụ tham gia phiên tòa để bào chữa cho bị cáo thông qua việc tham gia xét hỏi, trình bày lời bào chữa, đối đáp với Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng khác, tranh luận nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo. Việc quy định sự tham gia phiên tòa của người bào chữa là một bảo đảm pháp lý quan trọng cho việc thực hiện nguyên tắc đảm bảo quyền bào chữa của bị can, bị cáo. Đồng thời sự có mặt của người bào chữa tại phiên tòa đảm bảo cho việc tranh luận công khai tại phiên tòa giữa bên buộc tội (Kiểm sát viên thay mặt Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa) và bên gỡ tội (người bào chữa) làm cơ sở cho việc xác định sự thật khách quan, bảo đảm cho việc xét xử chính xác, đúng pháp luật.

-Người bị hại

Trong một vụ án hình sự, ngoài việc xác định có chủ thể phạm tội, còn phải xác định rõ người bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản do tội phạm gây ra, đó chính là người bị hại.

Luật tố tụng hình sự nước ta chỉ coi người bị hại là công dân; pháp nhân hay tổ chức xã hội không được coi là người bị hại. Người bị hại là con người cụ thể bị hành vi phạm tội trực tiếp xâm hại. Thể chất, tinh thần, tài sản của họ phải là đối tượng của tội phạm. Thiệt hại mà người bị hại phải chịu phải là thiệt hại thực tế, nếu thể chất, tinh thần, tài sản của một người chưa bị thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra thì người đó không được coi là người bị hại.

Trong trường hợp hành vi phạm tội không bị phát hiện và xử lý hoặc trường hợp không xác định được người bị thiệt hại mặc dù trên thực tế có người

bị thiệt hại về vật chất, tinh thần, tài sản do hành vi phạm tội gây ra thì người đó cũng không trở thành người bị hại trong vụ án hình sự.

Trong trường hợp người bị hại chết thì người đại diện hợp pháp của họ có những quyền của người bị hại. Nếu người bị hại đã chết có nhiều đại diện hợp pháp có quyền lợi đối lập nhau thì Tòa án phải triệu tập tất cả những người đó để nghe họ trình bày ý kiến.

Nếu người bị hại chưa thành niên hoặc là người có nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần thì đại diện hợp pháp của họ sẽ cùng tham gia tố tụng.

Trong trường hợp vụ án được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại được quy định tại Điều 105 của Bộ luật tố tụng hình sự thì người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của họ trình bày lời buộc tội tại phiên tòa.

Quyền và nghĩa vụ của người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của họ được quy định cụ thể tại Điều 51 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.

-Nguyên đơn dân sự

Theo quy định tại Điều 52 Bộ luật tố tụng hình sự 2003 thì nguyên đơn dân sự là cá nhân, cơ quan, tổ chức bị thiệt hại do tội phạm gây ra và có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Tuy nhiên khác với người bị hại, trong trường hợp là cá nhân là nguyên đơn dân sự thì trong trường hợp này không phải là nạn nhân trực tiếp của tội phạm, mặc dù bị thiệt hại nhưng thể chất, tinh thần, tài sản của họ không phải là đối tượng của tội phạm.

Nguyên đơn dân sự phải có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại, có thể tự mình thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng hoặc có thể thực hiện thông qua người đại diện hợp pháp của họ. Quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn dân sự được quy định cụ thể tại Điều 52 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.

-Bị đơn dân sự

Khoản 1 Điều 53 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định: Bị đơn dân sự là cá nhân, cơ quan, tổ chức mà pháp luật quy định phải chịu trách nhiệm bồi thường đối với thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra.

Tư cách tố tụng của bị đơn dân sự được xác định khi cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập họ với tư cách bị đơn dân sự. Bị đơn dân sự có thể tự mình thực hiện các quyền về tố tụng hoặc thông qua người đại diện hợp pháp. Quyền và nghĩa vụ của bị đơn dân sự được quy định cụ thể tại khoản 2, 3 Điều 53 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là người có quyền lợi, nghĩa vụ bị ảnh hưởng trực tiếp bởi các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có thể là người không liên quan đến việc thực hiện tội phạm nhưng các cơ quan tiến hành tố tụng phải xử lý theo pháp luật những vấn đề có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ.

Người đã tham gia vào việc thực hiện tội phạm nhưng đã được miễn trách nhiệm hình sự cũng có thể là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nếu như cơ quan tiến hành tố tụng phải giải quyết những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ như xử lý những vật dụng thuộc sở hữu của họ đã dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội; xử lý những tài sản do phạm tội mà có mà họ đã lấy...

Quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án được quy định cụ thể tại Điều 54 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.

Ngoài những người tham gia tố tụng được nêu ở trên, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 còn xác định những người tham gia tố tụng khác như: Người làm chứng, người bảo vệ quyền lợi của đương sự, người giám định, người phiên dịch. Quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng này đều được quy định rõ ràng từ Điều 55 đến Điều 61 trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.

1.3.3.3. Quy định về nội quy phiên tòa

Nội quy phiên tòa được quy định một mặt nhằm đảm bảo trật tự phiên tòa, đảm bảo cho việc xét xử được trang nghiêm, mặt khác còn đảm bảo cho mọi người tôn trọng Tòa án nói riêng, những người tiến hành tố tụng nói chung và bảo vệ an toàn về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự cho những người

tham gia phiên tòa, tạo điều kiện cho Tòa án làm tròn nhiệm vụ xét xử. Vì vậy, trước khi bắt đầu phiên tòa, Thư ký tòa án phải phổ biến nội quy phiên tòa cho những người trong phòng xử án biết. Thư ký có thể giải thích cụ thể thêm về nội quy phiên tòa để những người tham gia phiên tòa hiểu rõ hơn. Bên cạnh đó, thư ký cũng có thể hướng dẫn những người tham gia tố tụng cách xưng hô tại phiên tòa. Nội quy phiên tòa bao gồm: mọi người trong phòng xử án đều phải có thái độ tôn trọng Hội đồng xét xử, giữ gìn trật tự và tuân theo sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa; mọi người đều phải đứng dậy khi Hội đồng xét xử vào phòng xử án; những người được Tòa án triệu tập để xét hỏi được trình bày ý kiến và người nào muốn trình bày phải được chủ tọa phiên tòa cho phép; người trình bày ý kiến phải đứng dậy khi được hỏi, trừ trường hợp vì lý do sức khỏe được chủ tọa cho phép ngồi để trình bày. Ngoài ra để tránh cho những người chưa thành niên khỏi bị ảnh hưởng bởi những hành vi tiêu cực được Tòa án xét xử, nội quy phiên tòa còn cấm những người dưới 16 tuổi không được vào phòng xử án, trừ trường hợp được Tòa án triệu tập để xét hỏi.

1.3.3.4. Quy định về biên bản phiên tòa

Tại phiên tòa, trong quá trình xét xử, thư ký ghi biên bản phiên tòa có nhiệm vụ ghi biên bản phiên tòa theo quy định tại Điều 200 Bộ luật tố tụng hình sự 2003. Theo đó, biên bản phiên tòa phải ghi rõ ngày, giờ, tháng, năm, địa điểm của phiên tòa và mọi diễn biến ở phiên tòa từ khi bắt đầu cho đến khi tuyên bản. Cùng với việc ghi biên bản, có thể ghi âm, ghi hình về diễn biến phiên tòa. Những câu hỏi và những câu trả lời đều phải được ghi vào biên bản. Sau khi kết thúc phiên tòa, chủ tọa phiên tòa phải kiểm tra biên bản và cùng với thư ký tòa án ký vào biên bản đó. Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vụ án, người bảo vệ quyền lợi của đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của những người đó được xem biên bản phiên tòa, có quyền yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung vào biên bản phiên tòa và ký xác nhận. Thư ký phiên tòa phải ghi những sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của họ. Không được tẩy xóa, sửa chữa trực tiếp vào những vấn đề đã ghi mà ghi những sửa đổi, bổ sung tiếp vào biên bản phiên tòa. Cần ghi tư cách tiến hành tố tụng hoặc tham

gia tố tụng của những người đó và những yêu cầu cụ thể, sau đó người yêu cầu sửa đổi, bổ sung phải ký xác nhận vào biên bản phiên tòa. Mục đích của việc quy định này nhằm đảm bảo mọi diễn biến của phiên tòa đều được ghi nhận trong biên bản và cũng là để kiểm tra tính đúng đắn của thủ tục tố tụng tại phiên tòa, làm căn cứ để Tòa án cấp trên có thể quyết định hủy bản án sơ thẩm nếu thấy có vi phạm pháp luật.

1.4.Quá trình hình thành và phát triển các quy định của pháp luật Tố tụng hình sự Việt Nam về phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm

1.4.1. Quy định của Pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ năm 1945 đến trước pháp điển lần thứ nhất (1988)

Ngay sau khi Cách mạng tháng 8 thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, bên cạnh Sắc lệnh số 13/SL ngày 24/1/1946 quy định về tổ chức của Tòa án và ngạch Thẩm phán thì Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật quy định về tổ chức và hoạt động của Tòa án tư pháp bên cạnh Tòa án binh, Tòa án quân sự, điển hình như Sắc lệnh số 51/SL ngày 17/4/1946 quy định thẩm quyền của các tòa án và sự phân công giữa các nhân viên trong tòa án; Sắc lệnh số 85/SL ngày 22/5/1950 quy định về cải cách bộ máy tư pháp và luật tố tụng; Nghị định số 32 – NĐ ngày 6/4/1952 của Bộ tư pháp quy định thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong đó xác định Tòa án nhân dân huyện có thẩm quyền xét xử sơ thẩm hoặc xét xử sơ thẩm đồng thời chung thẩm một số loại án.

Do thời kỳ này nhà nước ta chưa ban hành các văn bản quy định về trình tự, thủ tục tố tụng hình sự nói riêng nên các quy định về thủ tục tố tụng tại phiên tòa xét xử hình sự rất đơn giản và được quy định rải rác trong các văn bản quy phạm pháp luật nói trên. Về cơ bản, thủ tục tố tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm được quy định như sau: tại Tòa án sơ cấp khi xét xử chỉ có một Thẩm phán và lục sự giữ bút ký (ghi chép biên bản). Tại các phiên tòa này, thủ tục phiên tòa tiến hành như nào lại không được đề cập; tại Tòa án đệ nhị cấp nếu xử việc tiểu hình ngoài Chánh án còn có thêm hai Phụ thẩm nhân dân góp ý kiến. Các Phụ thẩm không

được xem hồ sơ trước phiên tòa nhưng trong phiên tòa có quyền yêu cầu Chánh án hỏi thêm các bị can và cho biết giấy tờ ở hồ sơ; tại phiên tòa xử việc đại hình, sau khi nghe các bị can (bị cáo), các người chứng, cáo trạng của ông biện lý và sau cùng nghe lời cãi của các bị can, ông Chánh án, hai Thẩm phán và hai Phụ thẩm lui vào phòng nghị án để cùng xét xử về tất cả các vấn đề thuộc về tội trạng và trường hợp giảm tội. Những vấn đề bàn trong phòng nghị án được giải quyết theo đa số. Một người không biểu quyết sẽ coi như là đã có ý kiến có lợi cho bị can. Nghị án xong, Tòa họp lại và Chánh án tuyên đọc công khai bản án. Tại phiên tòa, khi cuộc thẩm vấn xong rồi, Biện lý (là một thành viên của Tòa án), thay mặt xã hội buộc tội bị can, bên cạnh bị can được nói lời sau cùng trước khi Tòa tuyên án, Tòa không bắt buộc phải xử theo yêu cầu của Biện lý.

Như vậy, tuy những quy định về thủ tục xét xử sơ thẩm còn rất sơ khai nhưng cũng đã cho thấy vị trí quan trọng của Thẩm phán, Chánh án trong việc xét xử. Chánh án, Thẩm phán là người được tiếp cận trước với hồ sơ vụ án, là người điều khiển phiên tòa, chủ động thực hiện các thủ tục tố tụng tại phiên tòa, là người quyết định tội danh và hình phạt. Thủ tục phiên tòa tuy không thấy rõ vai trò của Thẩm phán trong việc xét hỏi, thẩm vấn nhưng cũng không thể hiện đậm nét sự tranh luận giữa bên buộc tội và bên gỡ tội. Việc buộc tội và bào chữa dường như được diễn ra theo một trình tự trước, sau và kết thúc ngay khi bên bào chữa chấm dứt lời “cãi”, không có sự đáp trả, đối đáp qua lại giữa các bên.

Kể từ năm 1960 đến trước khi ban hành Luật tố tụng hình sự năm 1988 thì thủ tục xét xử sơ thẩm được quy định trong Hiến pháp năm 1959, 1980; Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 1960, 1981; các bản đề án về trình tự xét xử sơ thẩm về hình sự; Thông tư số 16/TATC ngày 27/9/1994 của Tòa án nhân dân Tối cao. Theo đó trình tự xét xử tại phiên tòa hình sự sơ thẩm được tiến hành theo các bước sau:

Thứ nhất, chuẩn bị cho việc xét hỏi bao gồm các công việc: Thư ký tòa án kiểm tra những người có mặt và phổ biến nội quy phiên tòa; chủ tọa phiên tòa khai mạc phiên tòa, hỏi căn cước bị cáo và những người liên quan đến việc xét

xử, giới thiệu Hội đồng xử án, đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa... giải thích quyền và nghĩa vụ của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác; Hội đồng xét xử giải quyết thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân (nếu có).

Thứ hai, xét hỏi tại phiên tòa được tiến hành theo trình tự: mở đầu xét hỏi chủ tọa phiên tòa yêu cầu Kiểm sát viên đọc bản cáo trạng. Sau đó, Tòa án tiến hành xét hỏi bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự, người có trách nhiệm bồi thường, người có tài sản, quyền lợi liên quan đến việc phạm pháp, giám định viên, nhân chứng, kết hợp với việc đưa ra xem xét vật chứng và hỏi những người có liên quan về vật chứng đó. Phương pháp xét hỏi là sau khi Hội đồng xử án hỏi xong một việc thì chủ tọa phiên tòa hỏi đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa có hỏi thêm gì hay không. Trình tự xét hỏi là chủ tọa phiên tòa hỏi trước, các Hội thẩm nhân dân hỏi sau. Tuy nhiên, ngay cả khi Tòa án đang xét hỏi thì đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa có thể yêu cầu Hội đồng xử án cho hỏi những vấn đề cần hỏi ngay. Sau khi Hội đồng xử án, đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa hỏi xong một bị cáo, chủ tọa phiên tòa cần hỏi những người tham gia tố tụng xem có muốn hỏi thêm bị cáo về vấn đề gì hay không. Sau đó, quay lại hỏi bị cáo hỏi xem có muốn hỏi thêm người vừa được hỏi vấn đề gì nữa hay không. Khi nhận thấy việc xét hỏi đã đầy đủ, chủ tọa phiên tòa hỏi đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa, và những người tham gia tố tụng khác xem họ có đề nghị hỏi thêm vấn đề gì hay không. Nếu không ai yêu cầu hoặc xét thấy việc hỏi thêm về vấn đề có người yêu cầu là không cần thiết, chủ tọa phiên tòa tuyên bố kết thúc xét hỏi.

Thứ ba, Tranh luận tại phiên tòa: đầu tiên là người bị hại, nguyên đơn dân sự, người có trách nhiệm bồi thường, người có tài sản, quyền lợi liên quan đến việc phạm pháp trình bày những lý lẽ về vấn đề có liên quan đến quyền lợi của mình; đại diện Viện kiểm sát trình bày kết luận của mình về vụ án; Bị cáo tự bào chữa, nhưng nếu bị cáo có người bào chữa thì ngay khi người này trình bày lời bào chữa, bị cáo có quyền phát biểu bổ sung; những người tham gia tranh luận đáp lại những ý kiến mà mình không đồng ý. Mỗi người chỉ được trả lời ý kiến

của bên kia một lần về mỗi vấn đề còn có ý kiến khác nhau, trừ trường hợp được chủ tọa phiên tòa cho phép hỏi thêm. Tòa án có thể quyết định quay lại phân xét hỏi nếu khi tranh luận phát hiện ra những vấn đề cần hỏi thêm, xét hỏi xong lại tiếp tục tranh luận. Sau khi các bên đã phát biểu ý kiến, chủ tọa phiên tòa tuyên bố kết thúc tranh luận và cho bị cáo nói lời cuối cùng.

Thứ tư, nghị án và tuyên án: chỉ Hội đồng xử án mới có quyền nghị án, những người khác không được tham gia. Trình tự nghị án được tiến hành như sau: chủ tọa phiên tòa nêu lên từng vấn đề để Hội đồng xử án thảo luận và quyết định. Hội thẩm phát biểu ý kiến trước, Thẩm phán phát biểu ý kiến sau. Hội đồng xử án quyết định theo đa số. Nếu có người đưa ra ý kiến khác ý kiến đa số, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa phải lập biên bản ghi lại ý kiến đó. Người có ý kiến thiểu số có thể trình bày viết các ý kiến của mình và lưu vào trong hồ sơ vụ án. Kết thúc nghị án, Hội đồng xử án có thể ra bản án hoặc quyết định.

Các quy định về thủ tục xét xử sơ thẩm nêu trên phản ánh chế độ tố tụng kiểu xét hỏi áp dụng tại Việt Nam trong thời kỳ này. Rất nhiều những quy định về thủ tục xét xử sơ thẩm sau này được chính thức pháp điển hóa trong các văn bản pháp luật tố tụng do Quốc hội ban hành như Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 và Bộ luật tố tụng năm 2003 hiện hành.

1.4.2. Quy định của Pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ sau pháp điển lần thứ nhất cho đến nay

Kế thừa và phát triển pháp luật tố tụng hình sự của Nhà nước ta từ sau Cách mạng tháng 8, trên nền tảng tư tưởng lấy dân làm gốc, với tinh thần đổi mới trên mọi mặt của đời sống xã hội, Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 ra đời (có hiệu lực từ ngày 01 -01 -1989) quy định cụ thể trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự; chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng... nhằm phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội. Góp phần bảo vệ Chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ

quyền, nghĩa vụ của công dân, giáo dục công dân nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật và tôn trọng quy tắc của cuộc sống.

Giai đoạn xét xử tại phiên tòa là giai đoạn hết sức quan trọng của toàn bộ trình tự tố tụng hình sự. Đây là giai đoạn mà Tòa án thẩm tra lại toàn bộ chứng cứ, lắng nghe tranh luận và cuối cùng quyết định xử lý đối với vụ án. Do đó, việc xét xử phải chính xác và phải có tác dụng giáo dục đối với những người khác. Chính vì vậy mà Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 đã dành tới 5 chương, 45 Điều luật để quy định về thủ tục tố tụng tại phiên tòa.

Ngoài những quy định chung về thủ tục tố tụng tại phiên tòa từ Điều 160 đến Điều 174 thì trình tự, thủ tục tại phiên tòa được quy định như sau:

- *Thủ tục bắt đầu phiên tòa:* Khi Hội đồng xét xử vào phòng xử án, mọi người trong phòng xử án đều phải đứng dậy; Sau khi ổn định, chủ tọa phiên tòa đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử, yêu cầu thư ký báo cáo danh sách những người được Tòa án triệu tập có mặt hay vắng mặt tại phiên tòa; Hội đồng xét xử hội ý và quyết định hoãn phiên tòa hay tiến hành xét xử. Sau đó, chủ tọa phiên tòa kiểm tra căn cước của bị cáo, người được triệu tập đến phiên tòa để xét hỏi và giải thích cho họ biết quyền và nghĩa vụ của họ tại phiên tòa, hỏi bị cáo xem đã nhận được bản cáo trạng và quyết định đưa vụ án ra xét xử hay chưa, giới thiệu thành phần hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, Thư ký tòa án. Hội đồng xét xử sẽ thảo luận và thông qua tại phòng nghị án để giải quyết mọi vấn đề phát sinh tại phiên tòa (Trước đây tại bản hướng dẫn trình tự tố tụng sơ thẩm về hình sự kèm theo Thông tư số 16 – TATC ngày 27/9/1994 của Tòa án nhân dân Tối cao gọi phần này là phần “Chuẩn bị cho việc xét hỏi”).

- *Thủ tục xét hỏi tại phiên tòa:* Sau khi tiến hành xong phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, chủ tọa phiên tòa tuyên bố kết thúc phần thủ tục chuyển sang phần xét hỏi. Trước khi tiến hành xét hỏi, chủ tọa phiên tòa báo cho các bị cáo đứng dậy và yêu cầu Kiểm sát viên đọc bản cáo trạng. Sau khi Kiểm sát viên đọc xong cáo trạng thì trình tự xét hỏi sẽ là chủ tọa phiên tòa hỏi trước rồi đến các Hội thẩm nhân dân, sau đó đến Kiểm sát viên và cuối cùng là người bào chữa. Những

người tham gia phiên tòa có quyền đề nghị với chủ tọa phiên tòa hỏi thêm về những tình tiết cần làm sáng tỏ. Phần xét hỏi chỉ có thể kết thúc khi nào Hội đồng xét xử thấy mọi tình tiết của vụ án đã được làm sáng tỏ tại phiên tòa và có căn cứ để có thể quyết định xử án thì chủ tọa phiên tòa quay sang hỏi Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia phiên tòa xem họ có yêu cầu xét hỏi vấn đề gì nữa không? Nếu có người yêu cầu và xét thấy yêu cầu đó là cần thiết thì chủ tọa phiên tòa quyết định tiếp tục việc xét hỏi. Nếu không có người yêu cầu hỏi thêm vấn đề gì nữa thì chủ tọa phiên tòa kết thúc phần xét hỏi và chuyển sang phần tranh luận.

- *Phân tranh luận*: Những người tham gia phiên tòa được phát biểu khi tranh luận theo thứ tự và nội dung như sau: Sau khi kết thúc việc xét hỏi tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ hay một phần nội dung cáo trạng hoặc kết luận về tội danh nhẹ hơn; Tiếp theo đến lượt bị cáo trình bày lời tự bào chữa căn cứ vào bản cáo trạng và lời luận tội của Kiểm sát viên. Nếu bị cáo có người bào chữa thì người bào chữa trình bày lời bào chữa cho bị cáo và bị cáo có quyền bổ sung ý kiến bào chữa cho mình; kế tiếp là những người tham gia phiên tòa khác như người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự... trình bày ý kiến để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho mình. Nếu qua tranh luận, mà xét thấy cần xem xét thêm chứng cứ thì Hội đồng xét xử có thể quyết định trở lại việc xét hỏi, sau khi hỏi thêm xong phải tiếp tục bước tranh luận.

- *Nghị án và tuyên án*: Sau khi bị cáo nói lời nói sau cùng, chủ tọa phiên tòa tuyên bố Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Chỉ có Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân mới có quyền vào phòng nghị án. Khi nghị án, các thành viên của Hội đồng xét xử phải giải quyết tất cả các vấn đề của vụ án, mỗi một vấn đề đều phải được biểu quyết và quyết định theo đa số. Người có ý kiến thiểu số có quyền trình bày ý kiến của mình bằng văn bản và được lưu vào trong hồ sơ vụ án. Khi biểu quyết Thẩm phán biểu quyết sau cùng. Sau khi nghị án xong, Hội đồng xét xử quay lại phòng xử và tuyên đọc bản án.

Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 đã được sửa đổi, bổ sung qua ba lần (30/6/1990, 22/12/1993 và 09/6/2000). Đến ngày 26/11/2003 Quốc hội khóa XI đã thông qua Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2004). Những quy định về trình tự xét xử tại phiên tòa sơ thẩm về cơ bản không khác với những quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 mà chỉ mở rộng hơn đối với quyền tranh luận tại phiên tòa của các chủ thể tham gia tố tụng. Những quy định chung, cụ thể, chi tiết sẽ được tác giả phân tích tại Chương 2 của luận văn này.

1.5.Các quy định về phiên tòa xét xử sơ thẩm trong pháp luật tố tụng hình sự của một số quốc gia

Nghiên cứu và tham khảo các mô hình tố tụng trên thế giới chúng ta thấy, mỗi mô hình tố tụng phụ thuộc vào truyền thống pháp luật của mỗi quốc gia. Hiện nay, có nhiều cách phân loại mô hình tố tụng hình sự khác nhau do cách tiếp cận vấn đề và lựa chọn tiêu chí phân loại khác nhau. Hơn nữa, cùng một mô hình tố tụng hình sự nhưng có sự thể hiện, vận dụng khác nhau ở mỗi nước. Do đó, chung quy lại thì pháp luật của các nước trên thế giới đã và đang tồn tại các dạng mô hình tố tụng hình sự đặc trưng và chủ yếu, đó là mô hình tố tụng tranh tụng, mô hình tố tụng thẩm vấn và mô hình tố tụng pha trộn.

1.5.1. Quy định về phiên tòa xét xử sơ thẩm trong pháp luật tố tụng hình sự nước ngoài theo mô hình tố tụng hình sự tranh tụng

Các nước theo hệ thống pháp luật án lệ hay còn gọi các nước thuộc hệ thống pháp luật Anh – Mỹ (Common Law), có mô hình tố tụng tranh tụng. Kiểu tố tụng tranh tụng là hình thức tố tụng mà trong đó có sự phân định rõ rệt ba chức năng buộc tội, gỡ tội, xét xử. Ba chức năng này chỉ thực sự bắt đầu tại phiên tòa sơ thẩm. Tại đây, với sự tham gia của các chủ thể bên buộc tội (Công tố viên, người bị hại), bên bào chữa (người bào chữa, bị cáo) và các chủ thể khác dưới sự điều khiển của “*Người trọng tài lạnh lùng*” - Tòa án (Thẩm phán) để quan sát sự tuân thủ quy tắc cuộc đấu của hai bên và quyết định bên nào sẽ thắng. Việc đánh giá chứng cứ phụ thuộc vào niềm tin nội tâm của Thẩm phán

khi Thẩm phán dựa vào tiêu chí hợp lệ của chứng cứ, “*khuôn mẫu chứng cứ*”. Còn giai đoạn trước khi mở phiên tòa được xem là giai đoạn tiền tố tụng, do các bên tiến hành một số hoạt động để chuẩn bị cho cuộc tranh tụng tại phiên tòa. Trong hình thức Tố tụng tranh tụng, chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật được giao cho Tòa án. Với tư cách là trung tâm của cơ quan tư pháp, của hoạt động tố tụng, Tòa án có quyền và có trách nhiệm đảm bảo các điều kiện để các bên thực hiện chức năng của mình, nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật. Mặc dù có những ưu điểm, song hình thức tố tụng mang tính “đôi trọng” này cũng bị phê phán là xa rời thực tế, “*việc con người bị phán xét như thế nào dường như quan trọng hơn việc xác định xem bị cáo đã làm gì trên thực tế*”(9, tr.126). Kiểu tố tụng này được các nước Anh, Mỹ, Úc, Canada... áp dụng. Tác giả xin được lựa chọn phiên tòa xét xử sơ thẩm trong mô hình tố tụng Hợp chủng quốc Hoa Kỳ để phân tích những đặc trưng điển hình của mô hình tố tụng tranh tụng.

Phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự của Hoa Kỳ được tiến hành theo trình tự, thủ tục gồm 04 bước như sau:

Thủ tục mở phiên xét xử sơ thẩm: Chính phủ đại diện bởi công tố viên, và bị can đại diện bởi luật sư bào chữa, là các bên duy nhất trong giai đoạn xét xử. Ở đầu giai đoạn này, trước khi lên danh sách bồi thẩm đoàn, Tòa án sẽ giải quyết bất cứ vấn đề sơ bộ nào do Công tố viên và Luật sư bào chữa nêu ra hoặc Tòa án có thể tổ chức phiên điều trần lấy chứng cứ. Sau khi các vấn đề sơ bộ được giải quyết, các ứng viên được đưa vào phòng xử án, Tòa án và các bên sẽ trực tiếp chọn ra 12 người làm bồi thẩm đoàn. Sau khi danh sách được lập ra, các bồi thẩm sẽ phải tuyên thệ. Thông thường, tất cả các nhân chứng, kể cả bị hại không được vào phòng xử án. Sau đó, Tòa án sẽ hướng dẫn sơ bộ cho bồi thẩm đoàn, giới thiệu luật sư của hai bên, đọc tóm tắt cáo buộc hình sự, giải thích quy trình xét xử và nhắc nhở bồi thẩm đoàn không được nói với bất kỳ ai về vụ án.

Thủ tục chất vấn, đối tụng trước tòa: Mở đầu là công tố viên trình bày luận cứ và chứng cứ sẽ chứng minh hành vi phạm tội bị cáo buộc và bị đơn có

tội ra sao, tiếp theo là phần lấy chứng cứ (phần chất vấn bắt đầu). Công tố viên và Luật sư là hai đối tượng tham gia chính trong phần này, Thẩm phán sẽ giải quyết bất cứ vấn đề pháp lý nào được công tố viên và luật sư bào chữa đưa ra. Các bồi thẩm thường phải ngồi bị động trong suốt phần lấy chứng cứ cũng như trong cả phiên tòa, họ không được đặt bất cứ câu hỏi nào. Giai đoạn này, bị cáo, nạn nhân không có vai trò gì đáng kể; Phần lấy chứng cứ bắt đầu bằng nội dung trình bày của bên buộc tội. Công tố viên quyết định nhân chứng sẽ được triệu tập và thứ tự xuất hiện khai báo. Từng nhân chứng của chính phủ sẽ lần lượt đưa ra lời khai, sau khi nhân chứng tuyên thệ sẽ nói sự thật, công tố viên tiến hành “trực vấn” (hỏi cung) nhân chứng. Luật sư có quyền phản đối và Thẩm phán có thể chấp thuận hoặc bác bỏ yêu cầu này của luật sư. Sau khi công tố viên hoàn tất phần “hỏi cung trực tiếp” nhân chứng, ngay lập tức luật sư có cơ hội “chất vấn chéo” hoặc có thể chọn cách từ bỏ việc này. Công tố viên và luật sư có quyền đặt câu hỏi bổ sung cho nhân chứng khi “tái trực vấn”. Kết thúc phần xét hỏi bổ sung, luật sư sẽ tham gia bào chữa nhằm chứng minh sự vô tội cho bị can.

Thủ tục lập luận cuối cùng trước tòa: Lời biện minh cuối cùng “quy trình lập luận” được giới hạn trước bồi thẩm đoàn của Công tố viên và Luật sư. Bị cáo, nạn nhân, nguyên đơn dân sự và bị đơn dân sự không có quyền này. Thủ tục ở phần này không phức tạp. Công tố viên sẽ trình lên bồi thẩm đoàn lập luận cuối cùng đầu tiên, tiếp theo Luật sư sẽ trình lên bồi thẩm đoàn lập luận cuối cùng của mình. Sau đó, Công tố viên sẽ trình lên bồi thẩm đoàn lập luận bác bỏ. Cuối cùng là Thẩm phán đọc chỉ dẫn của mình cho bồi thẩm đoàn, sau đó bồi thẩm đoàn vào phòng nghị án.

Thủ tục Nghị án, tuyên án và hồ sơ vụ án lưu tại Tòa án: Nghị án chỉ được tiến hành trong phòng kín do 12 bồi thẩm đoàn thực hiện, phần nghị án phải được giữ bí mật tới khi phiên tòa kết thúc. Kết thúc phần nghị án thì Thẩm phán tuyên án và đem lưu hồ sơ vụ án tại Tòa án.

1.5.2. Quy định về phiên tòa xét xử sơ thẩm trong pháp luật tố tụng hình sự nước ngoài theo mô hình tố tụng hình sự thẩm vấn

Phiên tòa trong hình thức Tổ tụng thẩm vấn không phải là sự tranh tụng giữa các bên đối lập mà là tiếp tục quá trình điều tra (thẩm vấn). Các bên có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội. Tại phiên tòa, (Thẩm phán) – chủ tọa phiên tòa là người hỏi chính, giữ vai trò chủ đạo, điều khiển mọi hoạt động diễn ra tại phiên tòa, Công tố viên và Luật sư chỉ hỏi những điểm còn chưa rõ hoặc có mâu thuẫn. Các bên phải cung cấp các chứng cứ thích hợp cho Tòa án. Các Thẩm phán sẽ triệu tập và kiểm tra một cách toàn diện các nhân chứng và chứng cứ của vụ án. Theo cách này, Tổ tụng thẩm vấn quan niệm rằng “sự thật có thể và phải được tìm ra trong quá trình thẩm vấn, điều tra”. Sở dĩ như vậy là vì ở đây, nghĩa vụ chứng minh thuộc về Tòa án. Điều này một mặt, đảm bảo khả năng kiểm soát tình hình tội phạm từ phía Nhà nước, nhưng mặt khác, dễ làm tổn thương đến lợi ích cá nhân, nhất là người bị hại và những người thân thích của họ. Việc giao toàn bộ trách nhiệm chứng minh cho các cơ quan và người tiến hành tố tụng tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiến hành các hoạt động tố tụng, nhưng cũng dễ ảnh hưởng đến tính khách quan, công bằng và công khai của tố tụng. Mô hình tố tụng này thường được các nước theo truyền thống luật lục địa (Civil Law) áp dụng. Đại diện tiêu biểu cho các nước mang đặc trưng của mô hình tố tụng thẩm vấn là Cộng hòa Pháp.

Hệ thống Tòa án xét xử ở Pháp gắn với thẩm quyền các loại tội. Tương ứng với mỗi loại tội có tòa án xét xử riêng. Tội vi cảnh (loại tội ít nghiêm trọng) được xử ở Tòa vi cảnh; khinh tội (mức hình phạt đến 10 năm tù) được xử ở Tòa tiểu hình; còn trọng tội (mức hình phạt trên 10 năm, chung thân, tử hình) được xử ở Tòa đại hình.

Đối với phiên tòa xét xử tại tòa Tiểu hình: thành phần gồm một Chánh tòa và hai Thẩm phán. Chánh tòa là người giữ vai trò chính trong việc hướng dẫn xét xử. Việc buộc tội do Viện trưởng hoặc viện phó Viện công tố đệ trình lên tòa. Trong quá trình xét hỏi khi cần thiết, chủ tọa có thể cho những người tham gia tố tụng xem các vật chứng và nghe lời nhận xét của họ. Sau khi chứng cứ được xuất trình đầy đủ, chủ tọa phiên tòa đề nghị các bên nguyên đơn dân sự, Công tố

viên, Luật sư biện hộ đưa ra các yêu cầu. Quá trình này luôn được bắt đầu bằng việc Công tố viên đề xuất mức hình phạt cho bị cáo. Luật sư biện hộ và bị cáo được quyền nói lời sau cùng xin giảm nhẹ mức hình phạt. Sau đó, Tòa án sẽ tạm nghỉ để thảo luận riêng trước khi ra bản án. Phán quyết có thể được đưa ra ngay sau khi thảo luận hoặc được bảo lưu nhưng phải thông báo công khai tại phiên tòa.

Đối với phiên tòa xét xử tại Tòa đại hình: Thành phần xét xử gồm một đoàn bồi thẩm do 9 thành viên được chọn ra một cách ngẫu nhiên từ danh sách cử tri. Bắt đầu phiên tòa, Chánh tòa tiến hành thủ tục nhận dạng bị cáo và giải thích tóm tắt các trình tự, thủ tục tại phiên tòa. Thủ tục chọn đoàn bồi thẩm được tiến hành sau đó (bị cáo có quyền chọn 05 người và bên công tố có quyền chọn 04 người), bồi thẩm viên được lựa chọn phải tuyên thệ. Các nhân chứng được yêu cầu xưng tên và lui ra ngoài phòng xử án. Thư ký tòa án đọc bản luận tội. Ngay sau đó, Chánh tòa thẩm vấn bị cáo nhưng không được biểu lộ ý kiến của mình về tội trạng của bị cáo. Chánh tòa cũng nhấn mạnh với đoàn bồi thẩm về sức mạnh, độ tin cậy của chứng cứ. Các bồi thẩm viên có quyền lựa chọn việc đặt ra các câu hỏi. Luật sư biện hộ và bị cáo được quyền nói lời sau cùng xin giảm nhẹ mức hình phạt. Sau đó, bồi thẩm đoàn lui vào phòng nghị án để cùng nhau cân nhắc, xem xét và quyết định vụ án.

1.5.3. Quy định về phiên tòa xét xử sơ thẩm trong pháp luật tố tụng hình sự nước ngoài theo mô hình tố tụng pha trộn

Mô hình tố tụng hình sự pha trộn là cách thức tổ chức hoạt động tố tụng hình sự ở một quốc gia cụ thể trong đó có sự kết hợp, đan xen lẫn nhau các yếu tố đặc trưng của mô hình thẩm vấn và mô hình tranh tụng. Sự kết hợp này theo tỷ lệ như thế nào phụ thuộc vào sự lựa chọn của nhà lập pháp hoặc là kết quả tác động của các điều kiện khách quan lịch sử, văn hóa, chính trị, kinh tế, truyền thống pháp lý của quốc gia đó. Trong kiểu tố tụng này, ở giai đoạn trước khi xét xử (khởi tố và điều tra) các hoạt động tố tụng hầu như được tiến hành bí mật, hạn chế sự tham gia của những người có liên quan, bị can hầu như bị tách khỏi quá trình tố tụng... tuy nhiên, ở giai đoạn xét xử, phiên tòa được tiến hành công khai,

quyền bình đẳng trước phiên tòa và quyền bào chữa của bị cáo được đảm bảo, các bên buộc tội và bào chữa có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc đưa ra những chứng cứ và những yêu cầu, lúc này Tòa án đóng vai trò là người trọng tài đảm bảo cho các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Hình thức này xuất hiện lần đầu tiên trong pháp luật tố tụng hình sự của Cộng hòa Pháp 1808, sau đó được phát triển mạnh mẽ trong pháp luật tố tụng hình sự của các nước theo truyền thống luật lục địa như Đức, Áo, Italia, Bỉ, Trung quốc, Việt Nam...

Hiện nay, có hai quan điểm về mô hình tố tụng hình sự Việt Nam. Quan điểm thứ nhất cho rằng mô hình tố tụng hình sự Việt Nam là mô hình thẩm vấn. Quan điểm thứ hai cho rằng mô hình tố tụng hình sự Việt Nam là mô hình pha trộn. Tìm hiểu và nghiên cứu tác giả nhận thấy tố tụng hình sự Việt Nam chịu ảnh hưởng nhiều của kiểu tố tụng hỗn hợp (pha trộn) vì nó vừa có những đặc điểm của mô hình tố tụng thẩm vấn, vừa có đặc điểm của mô hình tố tụng hình sự tranh tụng, cụ thể Tòa án nghiên cứu hồ sơ trước khi mở phiên tòa xét xử và có vai trò tích cực trong quá trình xét hỏi (dấu hiệu mô hình tố tụng hình sự thẩm vấn) và đến giai đoạn tranh luận tại phiên tòa thì đã có sự tranh tụng công khai, bình đẳng về địa vị tham gia tố tụng của các chủ thể tham gia phiên tòa. Nghĩa là bên buộc tội có quyền gì thì bên bào chữa cũng có quyền tương tự (dấu hiệu của mô hình tố tụng hình sự tranh tụng).

- Kết luận chương 1

Qua nội dung Chương 1, chúng tôi đã khái quát một số lý luận về các nguyên tắc cơ bản, chủ thể tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng, biên bản phiên tòa, nội quy phiên tòa, giới hạn việc xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2003. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng nêu và phân tích những quy định của pháp luật tố tụng của nước ta về cách thức tổ chức phiên tòa từ trước khi có pháp điển lần thứ nhất cho đến nay để từ đó có sự so sánh giữa những quy định cũ và quy định mới. Đồng thời luận văn cũng nêu lên những đặc trưng, điển hình của các mô hình tố tụng hình sự trên thế giới hiện nay.

Chương 2

THỰC TRẠNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ PHIÊN TÒA XÉT XỬ HÌNH SỰ SƠ THẨM TẠI THÀNH PHỐ TÂN AN

2.1. Thực trạng trình tự và thủ tục phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm tại Thành phố Tân An

Phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là giai đoạn trung tâm, quan trọng nhất của việc xét xử nói riêng và cả quá trình tố tụng hình sự nói chung. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành việc điều tra chính thức, thẩm tra công khai toàn bộ các tình tiết của vụ án, thẩm tra các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập trong giai đoạn điều tra, xem xét chứng cứ mới, nghe tranh luận của các bên tham gia tố tụng... để quyết định xử lý vụ án, kết luận một người có tội hay không có tội. Trình tự và thủ tục xét xử tại phiên tòa hình sự sơ thẩm được tiến hành qua các bước: Thủ tục bắt đầu phiên tòa; thủ tục xét hỏi tại phiên tòa; tranh luận tại phiên tòa; nghị án và tuyên án.

2.1.1. Thực trạng bắt đầu phiên tòa

Đây là phần mở đầu của phiên tòa xét xử được quy định từ Điều 201 đến Điều 205 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Phần này giúp cho Hội đồng xét xử xác định những điều kiện cần và đủ để đảm bảo cho phiên tòa xét xử đúng pháp luật như: đảm bảo sự có mặt cần thiết của những người tham gia tố tụng, giải quyết việc tiếp tục xét xử hay hoãn phiên tòa, kiểm tra lý lịch của bị cáo, kiểm tra căn cước những người đến tham dự phiên tòa, giải thích các quyền và nghĩa vụ của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, giải quyết các yêu cầu về việc cung cấp chứng cứ, thay đổi thành viên Hội đồng xét xử... Bắt đầu phiên tòa là tiền đề cần thiết và bắt buộc cho việc tiến hành các trình tự tố tụng tiếp theo là xét hỏi tại phiên tòa. Nếu bắt đầu phiên tòa được quy định và được thực hiện đầy đủ, theo đúng trình tự do pháp luật quy định sẽ là điều kiện quan trọng để tiến hành các bước tố tụng tiếp theo của phiên tòa đạt kết quả tốt và ngược lại. Thủ tục bắt đầu phiên tòa được tiến hành theo trình tự các bước sau đây:

Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng xử án, thư ký làm công việc ổn định trật tự, đối với những vụ án dư luận quan tâm sẽ có nhiều người đến tham dự phiên tòa, do đó Thư ký phiên tòa phải có kỹ năng bố trí, sắp xếp chỗ ngồi sau đó phổ biến nội quy phiên tòa(ví dụ như vụ án chống người thi hành công vụ tại bản án hình sự số 19/2013/HSST ngày 04/3/2013), yêu cầu những người đã được Tòa án triệu tập nộp giấy triệu tập.

Khi Hội đồng xét xử vào phòng xử án, chủ tọa phiên tòa khai mạc phiên tòa bằng cách đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử. Sau khi nghe Thư ký báo cáo danh sách những người được triệu tập (có mặt hoặc vắng mặt), chủ tọa phiên tòa hỏi Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng xem có ai đề nghị triệu tập thêm người làm chứng, đưa thêm vật chứng, đề nghị hoãn phiên tòa nếu có người vắng mặt hay không. Nếu có người yêu cầu thì Hội đồng xét xử xem xét và quyết định.

Chủ tọa phiên tòa giới thiệu những thành viên trong Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, Thư ký tòa án, người giám định, người phiên dịch, rồi hỏi những người tham gia tố tụng tại phiên tòa xem có ai xin thay đổi những người vừa giới thiệu trên hay không. Nếu có người tham gia tố tụng nào đó yêu cầu thay đổi thì phải nêu rõ lý do. Người bị yêu cầu thay đổi có thể trình bày ý kiến phản bác lại yêu cầu thay đổi. Hội đồng xét xử vào phòng nghị án thảo luận và quyết định chấp nhận hoặc bác yêu cầu thay đổi. Trong trường hợp chấp nhận yêu cầu thay đổi thì phải có thành viên khác thay thế ngay. Nếu không có người thay thế thì phải hoãn phiên tòa. Thực tiễn công tác xét xử tại Tòa án thành phố Tân An, trong các phiên tòa xét xử vụ án hình sự từ năm 2011 trở lại đây không có trường hợp nào bị cáo hay người bị hại có yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng(Thẩm phán, Kiểm sát viên, Thư ký)

Chủ tọa phiên tòa kiểm tra căn cước của những người tham gia tố tụng đã được Tòa triệu tập có mặt, giải thích quyền và nghĩa vụ của họ tại phiên tòa tương ứng với tư cách tham gia tố tụng của từng chủ thể theo quy định từ điều 50 đến điều 61 của Bộ luật tố tụng năm 2003. Việc kiểm tra căn cước được tiến

hành bằng cách hỏi, trả lời. Tùy theo địa vị pháp lý của người tham gia tố tụng mà phạm vi kiểm tra cũng khác nhau, cụ thể:

Đối với bị cáo phải hỏi họ về họ tên (tên gọi khác nếu có); giới tính; ngày, tháng, năm sinh; nơi cư trú (nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi tạm trú); quốc tịch; dân tộc; nghề nghiệp, trình độ văn hóa, hoàn cảnh gia đình (cha, mẹ, vợ, chồng, con); tiền án – tiền sự; ngày bị bắt tạm giam.

Đối với người đại diện hợp pháp của bị cáo phải hỏi họ để họ khai về tên, tuổi, nghề nghiệp, nơi cư trú, mối quan hệ với bị cáo như thế nào.

Đối với người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và đại diện hợp pháp của họ phải hỏi họ để họ khai tên, tuổi, nơi cư trú. Đối với nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cơ quan, tổ chức thì phải hỏi người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền khai rõ địa chỉ trụ sở chính của cơ quan, tổ chức, họ tên, chức vụ, địa chỉ của người đại diện theo pháp luật.

Chủ tọa phiên tòa giới thiệu họ tên, nghề nghiệp hoặc chức vụ của người giám định, người phiên dịch (nếu có) và giải thích rõ quyền và nghĩa vụ của họ, những người này phải cam đoan làm tròn nhiệm vụ.

Chủ tọa phiên tòa kiểm tra căn cước, giải thích quyền và nghĩa vụ của người làm chứng. Đối với người làm chứng là người thành niên yêu cầu họ phải cam đoan không khai gian dối, nếu người làm chứng là người chưa thành niên thì không phải cam đoan. Trong trường hợp có nhiều người làm chứng thì chủ tọa phiên tòa quyết định có hay không để cho người làm chứng nghe lời khai của nhau hoặc tiếp xúc với những người khác, hoặc cách ly bị cáo với người làm chứng trước khi hỏi họ về nội dung vụ án.

Đối với bị cáo, chủ tọa phiên tòa phải hỏi họ đã được giao nhận bản cáo trạng và quyết định đưa vụ án ra xét xử hay chưa? Nếu đã được nhận thì nhận vào ngày nào? Trong trường hợp bị cáo chưa được giao nhận bản cáo trạng và quyết định đưa vụ án ra xét xử hoặc đã được nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử dưới 10 ngày thì trước khi mở phiên tòa, phải hỏi bị cáo có đồng ý để Tòa tiến

hành xét xử vụ án hay không. Nếu bị cáo đồng ý thì ghi vào trong biên bản phiên tòa và Hội đồng xét xử tiếp tục làm việc, nếu bị cáo không đồng ý thì phải hoãn phiên tòa để Viện kiểm sát và Tòa án tổng đạt cáo trạng và quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị cáo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Những quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về phần thủ tục bắt đầu phiên tòa cơ bản đã được lãnh đạo Tòa án nhân dân thành phố Tân An quán triệt đến toàn thể các thẩm phán và Hội thẩm nhân dân và đã thực hiện đúng, đầy đủ và nghiêm túc. Từ thời điểm đầu tiên khi thư ký kiểm tra sự có mặt của những người được Tòa án triệu tập và sắp xếp chỗ ngồi sao cho hợp lý để họ một mặt trả lời cho những câu hỏi của Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, Luật sư được rõ ràng, mặt khác tránh cho họ bị kích động về mặt tâm lý khi đứng cạnh bị cáo. Đối với những vụ án lớn có nhiều bị cáo như vụ án Trần Hữu Nghĩa và đồng bọn bị truy tố về tội tổ chức đánh bạc, ghá bạc và đánh bạc xét xử 10 bị cáo và 35 người có quyền và nghĩa vụ liên quan (bản án số 114 ngày 30/12/2014), vụ án Nguyễn Lê Quốc Phong và đồng bọn bị truy tố về tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc, gá bạc xét xử 21 bị cáo và 26 người có liên quan (bản án số 39/2015 ngày 21/5/2015). ... các thư ký đã biết cách yêu cầu các đồng chí Công an dẫn giải sắp xếp cho các bị cáo ngồi theo thứ tự tên như cáo trạng truy tố hay sắp xếp theo nhóm tội để tránh việc sau này Chủ tọa thẩm tra lý lịch xét và các bị cáo không bị lộn xộn khi bước vào vành móng ngựa để trả lời. Hay đối với những vụ án có nhiều người bị hại tham gia phiên tòa như vụ Võ Thành Giang bị truy tố về tội trộm cắp tài sản gồm 01 bị cáo và 25 người bị hại(bản án số 31/2016/HSST ngày 26/3/2016) ... thư ký phiên tòa phải kiểm tra sự có mặt của họ trước rồi sắp xếp chỗ ngồi sao cho khi Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, Luật sư hỏi họ đứng lên trả lời không ồn ào, lộn xộn.

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định “khi bắt đầu phiên tòa, chủ tọa phiên tòa đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử” (Điều 201) mà không quy định là đọc quyết định trước khi tuyên bố khai mạc phiên tòa hay sau khi phiên tòa đã được tuyên bố khai mạc. Chính vì thế, trên thực tế xét xử tại thành phố Tân An

có Thẩm phán khi bước vào phòng xử án tuyên bố khai mạc phiên tòa rồi mới đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng cũng có Thẩm phán đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử xong rồi mới tuyên bố khai mạc phiên tòa. Thông thường, trước khi Hội đồng xét xử vào phòng xử án, thư ký sẽ bấm chuông sau đó yêu cầu mọi người trong phòng xử án đứng dậy để chào Hội đồng xét xử. Có những phiên tòa Kiểm sát viên vào trước, mọi người trong phòng xử án đứng dậy mà Hội đồng xét xử vẫn chưa vào, có những phiên tòa Hội đồng xét xử vào rồi vẫn chưa thấy kiểm sát viên đâu, thư ký phải đi tìm, còn Hội đồng xét xử phải đứng đợi một khoảng thời gian đến khi Kiểm sát viên vào rồi mới tuyên bố khai mạc phiên tòa.

Việc kiểm tra căn cước của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa là một quy định vô cùng quan trọng và có ý nghĩa. Thông qua việc kiểm tra này, Hội đồng xét xử xác định xem có phải đúng bị cáo đã được Tòa án quyết định đưa ra xét xử và được trích xuất ra phiên tòa hay không? Những người tham gia phiên tòa có phải đúng là người đã được tòa án triệu tập? Nhiều trường hợp chỉ qua phần kiểm tra lý lịch của bị cáo Hội đồng xét xử đã nghị án thảo luận để trả hồ sơ điều tra bổ sung vì tên của bị cáo khác với tên trong bản lý lịch bị can. Ví dụ trường hợp phiên tòa xét xử bị cáo Nguyễn Thị Nga bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An truy tố về tội “trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Trong bản lý lịch bị cáo được Công an phường xác nhận bị cáo không nơi ở ổn định, trước đó bị cáo khai trong một vụ án trước và đã bị Tòa án thị xã Tân An xử bị cáo khai tên Nguyễn Thị Thu, Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu. Tại phiên tòa qua thẩm tra lý lịch bị cáo khai bị cáo tên Nguyễn Thị Nga, nơi thường trú cuối cùng trước khi bị cáo đi sống lang thang là xã Tân Lập, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, do đó Hội đồng xét xử buộc phải dừng phiên tòa xét xử và yêu cầu Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra phải đi thẩm tra lại lý lịch của bị cáo, như họ tên, nơi cư trú. Kết quả điều tra xác minh lại bị cáo tên Nguyễn Thị Nga. (Bản án hình sự số 81/2015/HSST ngày 22/9/2015)

Thực tiễn xét xử còn cho thấy có những Thẩm phán chủ tọa phiên tòa do thiếu kinh nghiệm xét xử, vì vậy, ngay khi bắt đầu phiên tòa đã lúng túng, mất bình tĩnh nên ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện các giai đoạn tiếp theo. Có Thẩm phán chủ tọa phiên tòa “quên” cả việc giới thiệu thành phần Hội đồng xét xử, quên cả việc hỏi căn cước người làm chứng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; có nhiều trường hợp thẩm phán giải thích quyền và nghĩa vụ cho bị cáo và người tham gia tố tụng không đầy đủ, không rõ ràng, có trường hợp lúng túng không biết xử lý như thế nào khi có yêu cầu thay đổi thành viên Hội đồng xét xử, hoặc xin hoãn phiên tòa ...

2.1.2. Thực trạng xét hỏi tại phiên tòa

Xét hỏi là khâu quan trọng của quá trình xét xử tại phiên tòa, các chứng cứ tại phiên tòa bằng cách thông qua việc xét hỏi của Hội đồng xét xử hỏi các bị cáo và những người tham gia tố tụng, xem xét vật chứng, xem xét hiện trường, công bố các tài liệu... cũng như các bên buộc tội và bào chữa hỏi lẫn nhau dưới sự điều khiển, quan sát và đánh giá của Hội đồng xét xử. Mục đích là để kiểm tra các chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra và những chứng cứ mới thu thập tại phiên tòa nhằm làm sáng tỏ mọi tình tiết của vụ án, trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xác định có tội phạm xảy ra hay không, bị cáo có thực hiện hành vi phạm tội hay không. Nếu có thì tội đó là tội gì? Động cơ, mục đích phạm tội, nguyên nhân và điều kiện phạm tội ... để có quyết định đúng đắn khi giải quyết vụ án. Có thể những câu hỏi và những câu trả lời tại phiên tòa không khác với những câu hỏi và câu trả lời ở giai đoạn điều tra, nhưng việc hỏi và trả lời tại phiên tòa được diễn ra công khai và toàn diện những kết quả do các bên thu thập. Thủ tục xét hỏi được quy định từ Điều 206 đến 216 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.

Thủ tục xét hỏi được bắt đầu bằng việc Kiểm sát viên đọc bản cáo trạng và trình bày ý kiến bổ sung vào bản cáo trạng nếu có (Điều 206 Bộ luật tố tụng hình sự).

Việc xét hỏi tại phiên tòa phải tiến hành theo nguyên tắc thứ tự: xét hỏi từng người, Chủ tọa hỏi trước rồi đến các Hội thẩm, sau đó đến Kiểm sát viên; người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự; người giám định được hỏi những vấn đề liên quan đến việc giám định. Những người tham gia phiên tòa không có quyền được đặt câu hỏi cho người khác mà chỉ có quyền đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi thêm về những tình tiết cần làm sáng tỏ. Bộ luật tố tụng hình sự không quy định phải hỏi ai trước hỏi ai sau. Do vậy, việc xét hỏi ai trước, ai sau và xét hỏi nội dung như thế nào tùy thuộc vào quyết định của chủ tọa phiên tòa. Để đảm bảo cho lời khai của những người được xét hỏi khách quan, cần phải tuân thủ những quy định sau của Bộ luật tố tụng hình sự:

2.1.2.1. Đối với bị cáo Hội đồng xét xử phải hỏi riêng từng bị cáo.

Nếu lời khai của bị cáo này ảnh hưởng đến bị cáo khác thì chủ tọa phiên tòa phải cách ly họ. Trong trường hợp này bị cáo được thông báo lại nội dung lời khai của bị cáo trước và có quyền đặt câu hỏi đối với bị cáo đó. Nếu bị cáo không trả lời các câu hỏi thì Hội đồng xét xử và những người có quyền xét hỏi khác tiếp tục hỏi những người khác và xem xét vật chứng tài liệu có liên quan đến vụ án.

2.1.2.2. Đối với người làm chứng

Hội đồng xét xử phải hỏi riêng từng người và không để cho những người làm chứng khác biết được nội dung xét hỏi đó. Nếu lời khai người làm chứng này có thể ảnh hưởng đến lời khai người làm chứng khác thì phải cách ly họ. Trường hợp người làm chứng là người chưa thành niên thì chủ tọa phiên tòa có thể yêu cầu cha, mẹ, người đỡ đầu hoặc thầy, cô giáo giúp đỡ để hỏi.

2.1.2.3. Nếu người được xét hỏi có mặt tại phiên tòa,

Hội đồng xét xử và Kiểm sát viên không được công bố lời khai của họ trong giai đoạn điều tra trước khi họ đưa ra lời khai về những tình tiết của vụ án, trừ trường hợp lời khai của họ mâu thuẫn với lời khai ở giai đoạn điều tra; người được xét hỏi không khai tại phiên tòa; người được xét hỏi vắng mặt hoặc đã chết.

2.1.2.4. Khi xét hỏi, Hội đồng xét xử để bị cáo trình bày ý kiến về bản cáo trạng và những tình tiết của vụ án; người làm chứng khai báo về quan hệ giữa họ

và các đương sự và những tình tiết của vụ án mà họ đã biết, những người khác trình bày tình tiết của vụ án có liên quan rồi sau đó mới hỏi thêm về những điểm mà họ trình bày chưa đầy đủ hoặc có mâu thuẫn.

Như vậy, qua nghiên cứu những quy định trên tác giả nhận thấy Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 đã xác định chưa đúng và chưa phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các chủ thể thực hiện chức năng tố tụng, đã giao phần lớn việc xét hỏi cho Hội đồng xét xử. Các quy định cụ thể từ các Điều 207 đến Điều 216 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 đã thể hiện rõ trách nhiệm chứng minh tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội do Hội đồng xét xử đảm nhiệm mà đáng ra trách nhiệm này phải là của bên buộc tội và bào chữa, đặc biệt là Kiểm sát viên. Trong số những quyền hạn và trách nhiệm được giao cho Hội đồng xét xử có những quyền và trách nhiệm thuộc chức năng buộc tội hoặc chức năng bào chữa, chính điều đó đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc thực hiện chức năng xét xử, đến tính độc lập của Tòa án. Tòa án đang lấn sân các chủ thể thực hiện chức năng buộc tội và chức năng bào chữa.

Do Luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định xét hỏi theo trình tự chủ tọa hỏi trước rồi đến các Hội thẩm, sau đó đến Kiểm sát viên; người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự nên thực tiễn xét xử nói chung tại Tòa án nhân dân Thành phố Tân An thì việc xét hỏi chủ yếu cũng là do Chủ tọa phiên tòa thực hiện. Vai trò của Hội thẩm nhân dân, Kiểm sát viên, Luật sư... có phần mờ nhạt. Bởi có những phiên tòa Chủ tọa phiên tòa hỏi đã làm rõ được mọi vấn đề không cần thiết Hội thẩm nhân dân, Kiểm sát viên phải hỏi thêm. Hoặc cũng có những phiên tòa sau khi hỏi xong, Chủ tọa phiên tòa quay sang hỏi “các vị Hội thẩm nhân dân có hỏi thêm về vấn đề gì không?” thì chỉ nhận được những cái “lắc đầu” hoặc các vị Hội thẩm có hỏi thì cũng chỉ hỏi về phần nhân thân của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà ít khi hỏi đến các tình tiết của vụ án. Điều này dẫn đến việc đến lượt Luật sư xét hỏi thường bị trùng lặp như vậy chủ tọa phiên tòa sẽ “tuyệt cỏi” vì những điều này đã được Hội đồng xét xử hỏi rồi. Có Hội thẩm nhân dân chỉ chú trọng đến phần hỏi mang tính

chất giáo dục bị cáo với những câu hỏi như “ bị cáo đã nhận thức được việc làm sai trái của bị cáo chưa?; “Tại sao bị cáo không kiểm việc gì làm lương thiện lại đi phạm tội?...”. Đối với Kiểm sát viên thì đa số còn thụ động khi tham gia xét hỏi hoặc có tâm lý ỷ lại vào Hội đồng xét xử. Họ nghĩ rằng công việc xét xử, ra bản án hoặc quyết định giải quyết vụ án là công việc của Tòa án, còn quan điểm của Viện kiểm sát đã thể hiện trong bản cáo trạng, “... có phiên tòa Kiểm sát viên không hề hỏi, thậm chí bất kỳ ai” hoặc “ còn nhiều phiên tòa Kiểm sát viên không chủ động xét hỏi mà chờ chủ tọa phiên tòa nhắc mới hỏi và cũng chỉ hỏi có tính chất bổ sung còn việc hỏi để chứng minh tội phạm làm sáng tỏ các tình tiết của vụ án vẫn còn do chủ tọa phiên tòa thực hiện”.

2.1.3.Thực trạng tranh luận tại phiên tòa

Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 thì cơ sở pháp lý của hoạt động tranh luận tại phiên tòa hình sự sơ thẩm được quy định tại chương XXI, trong phần thứ ba xét xử sơ thẩm bao gồm 05 điều luật (từ Điều 217 đến Điều 221), gồm: trình tự khi phát biểu tranh luận (Điều 217); đối đáp (Điều 218); trở lại việc xét hỏi (Điều 219); bị cáo nói lời nói sau cùng (Điều 220) xem xét việc rút quyết định truy tố hoặc kết luận về tội nhẹ hơn (Điều 221).

Mặc dù tranh luận chỉ được quy định trong 05 điều luật, nhưng nó là cơ sở pháp lý đặc biệt, quan trọng làm nền tảng, định hướng cho tất cả các hoạt động diễn ra tại phiên tòa sơ thẩm. Bởi lẽ, thông qua tranh luận, kết quả xét hỏi được kiểm định tính xác thực, tính hợp pháp của các chứng cứ, các sự kiện cũng như các tình tiết của vụ án. Điều đó bắt buộc Hội đồng xét xử phải điều khiển phần tranh luận tại phiên tòa dựa trên các cơ sở pháp lý nêu trên. Và tất yếu, nếu hoạt động tranh luận không tuân thủ các quy định về tranh luận tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng hiện hành thì phiên Tòa bị coi là “ vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng”. Đây là một trong những cơ sở pháp lý để Tòa án cấp trên xem xét hủy bản án và quyết định của Tòa án cấp dưới.

2.1.3.1.Chủ thể tham gia tranh luận:

Như chúng ta biết, tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm là một quá trình đánh giá chứng cứ, phân tích các tình tiết của vụ án diễn ra giữa bên buộc tội và bên bào chữa một cách công khai dưới sự điều khiển của Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa. Vì thế, chủ thể tham gia vào hoạt động tranh luận tại phiên tòa hình sự sơ thẩm là Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố (bên buộc tội); Người bào chữa (chủ yếu là Luật sư, bên gỡ tội); Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có liên quan đến vụ án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

Đối với Kiểm sát viên, xuất phát từ chức năng của Viện kiểm sát là cơ quan thay mặt Nhà nước thực hành quyền công tố thông qua chức năng buộc tội bị cáo tại phiên tòa hình sự sơ thẩm. Việc thực hiện hoạt động tranh luận tại phiên tòa của Kiểm sát viên là nhằm mục đích bảo vệ cáo trạng, bản luận tội, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, xã hội (khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng hình sự).

Cùng một bên buộc tội với Kiểm sát viên là Người bị hại, người đại diện hợp pháp của họ, nếu có người bảo vệ quyền lợi ích của người bị hại thì họ tranh luận buộc tội bị cáo để bảo vệ lợi ích cá nhân họ (khoản 3 Điều 217 Bộ luật tố tụng hình sự).

Đối với bị cáo và người bào chữa là hai tư cách tố tụng khác nhau, luôn đối lập với bên buộc tội. Họ chỉ tranh luận những vấn đề liên quan trực tiếp với bị cáo như liên quan chứng cứ có tội hay không có tội, chứng cứ gỡ tội, mức bồi thường thiệt hại...

Các chủ thể khác tham gia tranh luận họ không đứng về bên buộc tội cũng như bên gỡ tội mà họ tranh luận để bảo vệ quyền lợi của cá nhân mình (khoản 3 Điều 217 Bộ luật tố tụng hình sự). Người giám định, người làm chứng, người phiên dịch không tham gia tranh luận.

Hội đồng xét xử không tham gia tranh luận. Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa điều khiển hoạt động tranh luận tại phiên tòa, tạo điều kiện cho những người tham gia tranh luận trình bày hết ý kiến, không được hạn chế thời gian tranh luận (Điều 218 Bộ luật tố tụng hình sự 2003). Mặc dù Hội đồng xét xử không tham

gia tranh luận nhưng lại có quyền ra quyết định cuối cùng về các vấn đề của vụ án.

2.1.3.2. Trình tự, thủ tục tranh luận:

Tương tự như những hoạt động tố tụng khác, phần tranh luận tại phiên tòa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm cũng có một trình tự, thủ tục tiến hành cụ thể. Điều 217 Bộ luật tố tụng hình sự quy định về trình tự phát biểu ý kiến khi tranh luận, mở đầu là Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, đưa ra những cơ sở pháp lý để bảo vệ cáo trạng, đồng thời phân tích các chứng cứ, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội để xác định bị cáo có phạm tội hay không phạm tội. Nếu như cáo trạng là sự buộc tội dựa vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án trong giai đoạn điều tra, truy tố thì luận tội lại dựa trên những tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra trực tiếp, công khai tại phiên tòa. Luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là lời buộc tội cuối cùng của Nhà nước trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, có có ý nghĩa quan trọng trong việc giới hạn phạm vi tranh tụng và xét xử. Năng lực tranh tụng của Kiểm sát viên được bộc lộ rõ nhất là khả năng lập luận khi đối đáp tại phiên tòa với các chủ thể tham gia tranh luận khác. Căn cứ để làm phát sinh việc đối đáp tại phiên tòa là quan điểm luận tội của Kiểm sát viên và ý kiến trình bày của những người tham gia tố tụng.

Như vậy, lời luận tội của Kiểm sát viên là nhằm mục đích chứng minh cho Hội đồng xét xử, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác thấy tính đúng đắn và có căn cứ của việc kết tội bị cáo về hành vi phạm tội cụ thể. Pháp luật tố tụng hình sự không có quy định nào quy định lời luận tội bao gồm những nội dung gì chỉ có quy định “luận tội của Kiểm sát viên phải căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa và ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi cho đương sự và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa...”(Điều 217). So với Bộ luật tố tụng hình sự 1988, quy định này đã đề cao trách nhiệm của Kiểm sát viên. Kiểm sát viên phải chủ động trong thủ tục xét hỏi, lắng nghe ý kiến của các bên tranh tụng để việc luận tội đảm bảo

tính thuyết phục, tính có căn cứ, tính khách quan và phù hợp với quy định của pháp luật.

Sau lời luận tội của Kiểm sát viên là đến phần trình bày lời bào chữa của bị cáo. Nếu bị cáo có người bào chữa thì người bào chữa trình bày lời bào chữa, sau đó bị cáo có quyền bổ sung ý kiến bào chữa, tranh luận tại phiên tòa. Việc quy định này tại điểm g khoản 2 Điều 50, Điều 217 Bộ luật tố tụng hình sự 2003 là biểu hiện quyền bào chữa của bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử phải tạo điều kiện để cho họ trình bày hết ý kiến của mình nhằm đảm bảo tính tranh tụng tại phiên tòa và đảm bảo quyền con người của bị cáo.

Cuối cùng là người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và người có quyền và nghĩa vụ liên quan hoặc người đại diện hợp pháp của họ trình bày ý kiến bảo vệ quyền lợi cho mình. Nếu những người này có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình thì họ chỉ được phát biểu ý kiến bổ sung sau khi người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho họ trình bày ý kiến theo khoản 3 Điều 217 Bộ luật tố tụng hình sự 2003.

2.1.3.3. Nội dung tranh luận:

Điều 218 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định “ ... Kiểm sát viên phải đưa ra những lập luận của mình đối với từng ý kiến” của các chủ thể tham gia tranh luận tại phiên tòa. Nghĩa là khi họ nêu ra bao nhiêu vấn đề thì Kiểm sát viên phải đáp lại bấy nhiêu cho dù các vấn đề, các ý kiến đó có thể đúng, hoặc có thể che giấu hay nguy hiểm thì Kiểm sát viên với vai trò chủ thể thay mặt Nhà nước phải đáp lại bằng lập luận, chứng cứ, cơ sở pháp lý để chỉ ra được những bất hợp lý, những điểm “ không thể chấp nhận” được.

Ngoài ra, Điều 218 Bộ luật tố tụng hình sự 2003 cũng quy định “người tham gia tranh luận có quyền đáp lại ý kiến của người khác. Chủ tọa phiên tòa không được hạn chế thời gian tranh luận, tạo điều kiện cho những người tham gia tranh luận trình bày hết ý kiến, nhưng có quyền cắt những ý kiến không có liên quan đến vụ án. Chủ tọa phiên tòa có quyền đề nghị Kiểm sát viên phải đáp lại những ý kiến có liên quan đến vụ án của người bào chữa và những người

tham gia tố tụng khác mà những ý kiến đó chưa được Kiểm sát viên tranh luận”. Như vậy, so với Điều 192 Bộ luật tố tụng hình sự 1988 quy định trình tự đối đáp giữa các ý kiến chỉ có *một lần* thì quy định này đã *không hạn chế thời gian và số lần đối đáp* giữa các bên nhằm bảo đảm việc xét xử công bằng, dân chủ, đáp ứng được yêu cầu tranh tụng tại phiên tòa mà Nghị quyết 08 NQ – TW của Bộ chính trị đưa ra.

Nếu qua tranh luận xét thấy có những vấn đề được nêu ra nhưng chưa được xét hỏi, cần phải xem xét thêm chứng cứ thì Hội đồng xét xử có thể quyết định trở lại phần xét hỏi, xét hỏi xong phải tiếp tục tranh luận (Điều 219 Bộ luật tố tụng hình sự 2003) và việc tranh luận cũng phải đảm bảo theo luật định. Có thể nhận thấy luận tội và đối đáp có mối quan hệ mật thiết với nhau. Luận tội là tiền đề cho đối đáp, còn đối đáp là đưa ra những luận chứng, luận cứ để củng cố chứng minh cho luận tội là có cơ sở. Nếu trong phiên tòa chỉ có tranh luận mà không có đối đáp thì chỉ là lời nói theo một chiều, không làm rõ được vấn đề có ý kiến trái ngược nhau. Đối đáp là cơ hội cho các chủ thể tham gia tranh luận thuyết phục Hội đồng xét xử tin vào tính đúng đắn và hợp pháp của những luận điểm mà họ đã trình bày trước đó. Việc đối đáp, tranh luận giữa Kiểm sát viên với bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác sẽ làm cho phiên tòa trở lên sống động hơn, khách quan hơn, xóa bỏ suy nghĩ lâu nay vẫn tồn tại trong xã hội đối với các cơ quan tố tụng là xét xử kiểu “án bỏ túi”, “án tại hồ sơ”. Đối đáp, tranh luận tốt một mặt sẽ nâng cao vị thế của Kiểm sát viên, Luật sư tại phiên tòa, mặt khác góp phần thể hiện bản chất của Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Sau khi những người tham gia tranh luận không trình bày gì thêm, chủ tọa phiên tòa tuyên bố kết thúc phần tranh luận và cho bị cáo nói lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xử án vào nghị án (Điều 220 Bộ luật tố tụng hình sự 2003). Lời nói sau cùng này của bị cáo có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với các quyết định của Hội đồng xét xử vì nếu bị cáo trình bày thêm tình tiết mới thì Hội đồng

xét xử phải quyết định trở lại xét hỏi và tiếp tục tranh luận. Hội đồng xét xử không được đặt câu hỏi nhưng có quyền yêu cầu bị cáo chỉ trình bày những vấn đề liên quan đến vụ án và không được hạn chế thời gian đối với bị cáo.

Trong quá trình tranh luận, khi Kiểm sát viên rút một phần quyết định truy tố hoặc kết luận về tội nhẹ hơn thì Hội đồng xét xử vẫn phải tiếp tục xét xử vụ án. Trong trường hợp Kiểm sát viên rút toàn bộ quyết định truy tố thì trước khi nghị án, Hội đồng xét xử yêu cầu những người tham gia tố tụng tại phiên tòa trình bày ý kiến về việc rút quyết định truy tố đó.

Qua thực tiễn tranh luận trong các phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm tại Thành phố Tân An, tỉnh Long An về cơ bản đã diễn ra dân chủ, công khai, đúng pháp luật ... Tuy nhiên vẫn còn có những hiện tượng, Kiểm sát viên và Luật sư không tranh luận với nhau hoặc thường một bên Kiểm sát viên trình bày luận tội thì Luật sư bào chữa chỉ bào chữa và trình bày các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo tại phiên tòa, ngoài ra họ không tranh luận gì, đây là tư tưởng còn e dè, nể nang nhau. Ví dụ trong phiên tòa xét xử bị cáo Cao Vĩnh Trí ngày 22/6/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An sau khi nghe kiểm sát viên trình bày lời luận tội và Luật sư phát biểu lời bào chữa là những tình tiết giảm nhẹ của bị cáo mà lẽ ra những tình tiết này nếu không có Luật sư bào chữa thì Hội đồng xét xử vẫn phải xem xét cho bị cáo khi nghị án, như bản án Hình sự sơ thẩm số 54/2013/HSST ngày 22/6/2013, và bản án hình sự sơ thẩm số 35/2014/HSST ngày 06/5/2014 xét xử bị cáo Lê Thành Tài bị truy tố về tội “môi giới mại dâm”. Cũng có nhiều phiên tòa tuy không có Luật sư bào chữa cho bị cáo nhưng bị cáo cũng không phát biểu tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, mà hầu như chấp nhận hoàn toàn vào chứng cứ buộc tội của Viện kiểm sát như vụ án Nguyễn Minh Trắng bị truy tố về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo bản án số 97/2014/HSST ngày 04/11/2014 và vụ án Nguyễn Văn Phảnh bị truy tố về tội “vi phạm các qui định về an toàn giao thông đường bộ” theo bản án số 45/2014/HSST ngày 26/5/2014. Có phiên tòa Kiểm sát viên không tranh luận để làm sáng tỏ nội dung vụ án mà tại phiên tòa bị cáo nêu ra các vấn đề mới, ví dụ như phiên tòa ngày 04 tháng 3

năm 2013 bị cáo Huỳnh Thị Đền và bị cáo Trần Thị Thêm bị truy tố về tội “ chống người thi hành công vụ”, tại phiên tòa bị cáo Thêm khai “ do bức xúc việc ông Tươi không chỉnh sửa nội dung công văn số 2762 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An theo yêu cầu của bị cáo Đền và sau khi thấy bị cáo Đền nắm cổ áo ông Tươi đang dẫn co thì bị cáo đứng phía sau lưng ông Tươi...” . Nhưng Kiểm sát viên tham gia phiên tòa không có tranh luận làm sáng tỏ nội dung trên mà phát biểu giữ y quan điểm như cáo trạng truy tố. (bản án số 19/2013/HSST ngày 04/3/2013.

2.1.4. Thực trạng nghị án và tuyên án

2.1.4.1. Thực trạng nghị án

Việc nghị án được tiến hành ngay sau khi kết thúc phần tranh luận, Hội đồng xét xử vào phòng nghị án để thảo luận và quyết định về vụ án. Chỉ có Thẩm phán và Hội thẩm mới có quyền nghị án. Hội đồng xét xử tiến hành nghị án trong phòng riêng, không ai được tiếp xúc với Hội đồng xét xử, không được vào phòng nghị án cũng như có tác động khác lên quá trình nghị án. Khi nghị án, các thành viên của Hội đồng xét xử phải giải quyết tất cả các vấn đề của vụ án bằng cách biểu quyết theo đa số về từng vấn đề một. Thẩm phán biểu quyết sau cùng. Người có ý kiến thiểu số có quyền trình bày ý kiến của mình và được bảo lưu ý kiến bằng văn bản và được đưa vào hồ sơ vụ án (khoản 1 Điều 222 Bộ luật tố tụng hình sự). Như vậy, chủ tọa phiên tòa là người điều khiển việc nghị án, nêu các vấn đề cần giải quyết như tội danh, điều luật cần áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nguyên nhân và điều kiện phạm tội, hoàn cảnh phạm tội của bị cáo, mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung, mức bồi thường thiệt hại, xử lý tang vật, án phí hình sự, án phí dân sự... để Hội đồng xét xử thảo luận và biểu quyết. Điều luật chỉ quy định Thẩm phán biểu quyết sau cùng chứ không phải là người phát biểu ý kiến sau cùng. Vì vậy, trong khi nghị án thứ tự phát biểu, thảo luận là không bắt buộc.

Khi nghị án, Hội đồng xét xử chỉ được căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng

cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác. Nếu qua việc nghị án thấy có tình tiết của vụ án chưa được xét hỏi hoặc xét hỏi chưa đầy đủ thì Hội đồng xét xử quyết định trở lại việc xét hỏi và tranh luận. Trong trường hợp Kiểm sát viên rút toàn bộ quyết định truy tố thì Hội đồng xét xử vẫn giải quyết những vấn đề của vụ án theo trình tự quy định tại khoản 1 Điều 222 Bộ luật tố tụng hình sự 2003. Nếu có căn cứ xác định bị cáo không có tội thì Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo không có tội; nếu thấy việc rút truy tố không có căn cứ thì quyết định tạm đình chỉ vụ án và kiến nghị với Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp (khoản 2, 3 Điều 222 Bộ luật tố tụng hình sự 2003)

Việc nghị án phải có biên bản ghi lại các ý kiến đã thảo luận và quyết định của Hội đồng xét xử. Biên bản nghị án phải được tất cả các thành viên Hội đồng xét xử ký tại phòng nghị án trước khi tuyên án (khoản 4 Điều 222 Bộ luật tố tụng hình sự 2003).

2.1.4.2. Thực trạng Tuyên án

Được quy định tại Điều 226 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Theo đó, về nguyên tắc, mọi người trong phòng xử án phải đứng khi nghe Tòa tuyên án, thể hiện thái độ tôn trọng quyết định của Tòa án nhân danh Nhà nước. Do đó, trước khi tuyên án, thư ký Tòa án phải yêu cầu mọi người đứng dậy trừ trường hợp vì lý do sức khỏe được chủ tọa phiên tòa cho phép ngồi tại chỗ. Việc tuyên án do chủ tọa phiên tòa hoặc một thành viên khác của Hội đồng xét xử đọc nguyên văn bản án, nếu bản án dài thì có thể thay nhau đọc bản án. Trong trường hợp thời gian tuyên án dài thì sau khi đọc xong phần đầu của bản án, chủ tọa phiên tòa có thể cho phép mọi người trong phòng xử án ngồi nghe tuyên án (đến phần quyết định chủ tọa phiên tòa tiếp tục yêu cầu họ đứng dậy), riêng bị cáo vẫn phải đứng nghe toàn bộ phần tuyên án.

Sau khi đọc xong, tùy từng trường hợp cụ thể chủ tọa phiên tòa hoặc một thành viên khác của Hội đồng xét xử giải thích thêm về việc chấp hành án, chế định án treo (nếu có), quyền kháng cáo...

Đối với bị cáo không biết tiếng Việt, thì ngay sau khi tuyên án người phiên dịch phải đọc lại cho bị cáo nghe toàn bộ bản án sang thứ tiếng bị cáo biết. Bản án này cần được hiểu là phần bản án có liên quan đến bị cáo không biết tiếng Việt, có nghĩa là người phiên dịch chỉ phải đọc lại cho bị cáo nghe toàn bộ phần bản án có liên quan đến bị cáo không biết tiếng Việt.

Ngay sau khi kết thúc phần tuyên án là hoàn tất phiên tòa xét xử sơ thẩm một vụ án hình sự.

Nghị án và tuyên án là thủ tục tố tụng cuối cùng diễn ra tại phiên tòa nhưng lại được thực hiện trong phòng riêng do Thẩm phán và Hội thẩm thực hiện, không ai có quyền được tham dự. Do đó, thực trạng nghị án diễn ra như thế nào hầu như chúng ta không có thông tin để biết. Chúng ta chỉ biết khi bản án ở cấp sơ thẩm bị Tòa án cấp trên hủy do biên bản nghị án không phản ánh hết những nội dung quyết định của bản án, như điều luật áp dụng sai, thành viên Hội đồng xét xử ghi không đúng...

Pháp luật tố tụng hình sự qui định qua quá trình xét hỏi, tranh luận và nghị án nếu không đủ chứng cứ buộc tội bị cáo thì Hội đồng xét xử phải tuyên bị cáo không phạm tội, nhưng thông thường nhiều trường hợp Hội đồng xét xử không tuyên án mà ra quyết định hoãn phiên tòa để trả hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp để điều tra bổ sung, còn việc điều tra như thế nào là thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát và cơ quan Cảnh sát điều tra. Ví dụ như vụ án Trịnh Minh Nhân bị truy tố về tội “vi phạm các qui định về an toàn giao thông đường bộ” bản án hình sự số 103/2015/HSST ngày 24/11/2015 và quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung số 06/2015/HSST-QĐ ngày 21/9/2015. Bên cạnh những sai sót về mặt tố tụng vẫn còn thực trạng do thiếu phòng cho Kiểm sát viên ngồi khi Hội đồng xử án vào phòng nghị án nên nhiều khi Kiểm sát viên “không biết ngồi ở đâu” nên vào ngồi chung trong phòng với Hội đồng xét xử khi nghị án. Thông thường các tòa cấp quận, huyện cũng như Tòa án nhân dân Thành phố Tân An không có phòng nghị án riêng cách xa phòng xử mà thường được bố trí ngay sau phòng xử

nên khi nghị án nhiều khi bên ngoài vẫn nghe được những vấn đề Hội đồng xét xử thảo luận bên trong.

2.2.Đánh giá thực trạng phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm tại Thành phố Tân An, tỉnh Long An

2.2.1. Những ưu điểm

Qua thực tiễn xét xử trong những năm qua kể từ khi có Nghị quyết 08/NQ-TW và Nghị quyết 49/NW-TW của Bộ Chính trị về cải cách tư pháp, Tòa án nhân dân Thành phố Tân An , tỉnh Long An đã thực hiện tốt công tác xét xử các loại án nói chung và án hình sự nói riêng với số lượng án hình sự thụ lý và giải quyết hàng năm luôn đạt tỷ lệ giải quyết trên 99%, không có án tồn đọng(xem bảng thống kê). Chất lượng xét xử nâng cao rõ rệt, các bản án đã đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tòa án thành phố Tân An đã đảm bảo tốt nguyên tắc xử lý: nghiêm trị những kẻ chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố chống đối, lưu manh côn đồ... đồng thời áp dụng chính sách khoan hồng đối với người tự thú, người thành khẩn khai báo. Trình độ chuyên môn, kinh nghiệm xét xử của đội ngũ Thẩm phán ngày càng được nâng lên, góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở địa phương, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị mà Đảng và nhân dân giao phó,

Stt	Năm	Số vụ án được thụ lý	Số vụ án được giải quyết	Tỷ lệ
1	2011	146 vụ - 238 bị cáo	145 vụ - 237 bị cáo	99,31%
2	2012	138 vụ - 192 bị cáo	138 vụ -192 bị cáo	100%
3	2013	156 vụ -231 bị cáo	156 vụ - 231 bị cáo	100%
4	2014	136 vụ -198 bị cáo	135 vụ -197 bị cáo	99,26%
5	2015	123 vụ -225 bị cáo	123 vụ -225 bị cáo	100%

Nguồn : từ Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An

Mặc dù thời gian qua tình hình tội phạm tại Thành phố Tân An, tỉnh Long An vẫn diễn biến hết sức phức tạp, Tân An, Long An nối tiếp giáp với Thành

phố Hồ Chí Minh và là trung tâm kinh tế- chính trị- văn hóa- xã hội của tỉnh Long An, các tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng về cố ý gây thương tích, tội phạm về ma túy, tội phạm giao cấu với trẻ em, tội trộm cắp ...có xu hướng gia tăng nhưng thực tế cho thấy hầu hết các vụ án được Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An thụ lý và đã được đưa ra xét xử kịp thời, tỷ lệ giải quyết án hàng năm rất cao. Trong đó có nhiều vụ án nghiêm trọng về xâm phạm trật tự xã hội, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, tài sản của công dân, được dư luận quan tâm như: Vụ Đoàn Văn Trường bị truy tố về tội cố ý gây thương tích(bản án số 52/2014/HSST ngày 26/6/2014), Nguyễn Quốc Tuấn bị truy tố về tội trộm cắp tài sản(bản án số 48/2014/HSST ngày 14/6/2014), Huỳnh Dương Thái bị truy tố về tội vi phạm các quy định về an toàn giao thông đường bộ(bản án số 68/2015/HSST ngày 21/8/2015), Bùi Thị Diễm Châu bị truy tố về tội môi giới mại dâm(bản án số 69/2014/HSST ngày 14/8/2014), Trần Thuận Tiến và Hà Hoàng Long bị truy tố về tội mua bán trái phép chất ma túy (bản án số 87/2015/HSST ngày 25/9/2015), Văn Vương Vũ bị truy tố về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản(bản án số 96/2013/HSST ngày 17/9/2013), Trần Văn Tân và Phạm Ngọc Hạnh bị truy tố về tội cướp giết tài sản(bản án số 29/2015/HSST ngày 09/5/2015), Nguyễn Văn Hậu bị truy tố về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản(bản án số 69/2015/HSST ngày 24/8/2015) được xã hội quan tâm, đồng tình. Chất lượng xét xử ngày càng nâng cao với sự đổi mới thủ tục xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở những quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 và theo tinh thần cải cách tư pháp của Bộ Chính trị đề ra.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thể hiện được tính khách quan, tôn trọng lắng nghe ý kiến của cả Kiểm sát viên, Luật sư, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã khắc phục được tình trạng thiếu thận trọng, đại khái qua loa trong việc nghiên cứu hồ sơ, chuẩn bị đề cương thẩm vấn, dự đoán được những tình huống có thể phát sinh tại phiên tòa để có hướng xử lý kịp thời, đối với những vụ án phức tạp thẩm phán chủ động lập kế hoạch xét hỏi và đề xuất với lãnh đạo các phương án bảo vệ phiên tòa. Đa số những vụ

án có tính chất nghiêm trọng, án điểm Tòa án nhân dân thành phố Tân An phối hợp với viện kiểm sát đưa ra xét xử lưu động tại các địa phương nơi tội phạm xảy ra, từ năm 2011 đến 2015 đã đưa ra xét xử lưu động 82 vụ án, Tòa án phối hợp với các cơ quan ban ngành tại địa phương để chuẩn bị phục vụ cho phiên tòa được xét xử theo đúng dự kiến, tránh những điều đáng tiếc xảy ra. Thẩm phán được phân công làm chủ tọa phiên tòa khẳng định được bản lĩnh của người chủ tọa điều khiển phiên tòa, thể hiện đúng vai trò là người trọng tài tại phiên tòa, tạo điều kiện phát huy quyền tự bào chữa, tranh luận tại phiên tòa cho bị cáo, tạo điều kiện thuận lợi cho người bào chữa tranh luận dân chủ với bên buộc tội. Nội dung xét hỏi đã được chủ tọa phiên tòa hỏi mạch lạc, rõ ràng, logic và trọng tâm vào các tình tiết cần làm sáng tỏ như các tình tiết định tội; các tình tiết định khung hình phạt; các tình tiết có ý nghĩa đối với việc quyết định hình phạt như tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các đặc điểm về nhân thân của bị cáo; các tình tiết liên quan đến việc giải quyết vấn đề dân sự, xử lý vật chứng, xác định nguyên nhân và điều kiện phạm tội. Trên cơ sở những vấn đề cơ bản đó, tùy từng vụ án cụ thể, Thẩm phán đã xác định được một cách chính xác những điểm mấu chốt cần làm rõ tại phiên tòa sơ thẩm để từ đó có những quyết định đúng đắn, khách quan, vô tư, hợp lý hợp tình.

Hội thẩm nhân dân hằng năm đều được tập huấn nghiệp vụ chuyên sâu, được cấp phát tài liệu nghiên cứu và tích cực tham gia nghiên cứu hồ sơ trước khi xét xử, từ đó đa số ý kiến của Hội thẩm là thành viên Hội đồng xét xử đều đúng theo quy định của pháp luật, làm cho chất lượng công tác xét xử ngày càng nâng cao, không có án bị hủy và hạn chế tối đa án bị cải sửa.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa đã có những thay đổi cơ bản về kỹ năng nghiệp vụ trong quá trình nghiên cứu hồ sơ, chuẩn bị và viết cáo trạng ngắn gọn nhưng đầy đủ, xúc tích. Hiện tượng cáo trạng được viết sơ sài hoặc dập khuôn máy móc đã dần được khắc phục. Nội dung và hình thức của cáo trạng cơ bản thể hiện rõ lập luận, quan điểm buộc tội của Kiểm sát viên đối với bị cáo. Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa đã tham gia phần xét hỏi

nhều hơn, những câu hỏi cũng ít trùng lặp với những câu hỏi mà Hội đồng xét xử đã xét hỏi trước đó, Nội dung các câu hỏi đã đi vào trọng tâm vấn đề, làm rõ những điểm còn mâu thuẫn. Kiểm sát viên cũng có thái độ tôn trọng và lắng nghe phân xét hỏi của Luật sư, người bào chữa khi họ thực hiện chức năng gỡ tội cho bị cáo. Bên cạnh đó, Kiểm sát viên đã thể hiện được bản lĩnh chính trị khi tham gia tranh luận, đối đáp lại với bên bị buộc tội, Luật sư bào chữa ví dụ như vụ án Nguyễn Anh Tuấn bị truy tố về tội giao ca61o với trẻ em(bản án số 48/2016/HSST ngày 10/5/2016...

Thư ký Tòa án đã được đào tạo 100% lớp nghiệp vụ thư ký do Tòa án nhân dân Tối cao tổ chức và được bố trí sắp xếp, phân công nhiệm vụ phù hợp, từ sự làm việc khoa học và có kỹ năng của thư ký cũng góp phần cho công tác xét xử hoàn thiện hơn, đạt chất lượng tốt hơn.

Nhận thức được cơ sở vật chất cũng quyết định một phần sự thành công của phiên tòa nên thời gian gần đây, Tòa án nhân dân thành phố Tân An được Tòa án nhân dân Tối cao đầu tư xây dựng trụ sở mới, đã cố gắng trang bị những thiết bị hiện đại phục vụ phiên tòa như lắp đặt hệ thống âm thanh, màn hình camera trong phòng xử (03 phòng xử án) hay trang bị phiên tiện là xe ô tô để phục vụ cho các phiên tòa lưu động được tốt hơn.

Sự phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng Cơ quan điều tra – Viện Kiểm sát – Tòa án và giữa cơ quan Tòa án với các ban, ngành, đoàn thể của chính quyền địa phương đã góp phần tích cực cho việc tổ chức phiên tòa, đặc biệt là các phiên tòa xét xử lưu động.

2.2.2.Những vướng mắc từ thực tiễn xét xử trong phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự theo Bộ luật tố tụng hình sự 2003

Bên cạnh những kết quả đạt được như trên, quá trình tổ chức phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự còn tồn tại không ít những hạn chế, vướng mắc, chưa đáp ứng được những yêu cầu và mục tiêu của tố tụng hình sự cũng như trong công cuộc cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay. Qua nghiên cứu thực tiễn phiên tòa xét xử, tác giả nhận thấy vẫn còn có những hạn chế, vướng mắc như sau:

Vướng mắc từ những quy định của pháp luật hiện hành: Do quy định của pháp luật tổ tụng hình sự chưa rõ ràng trong việc xác định mô hình tổ tụng của nước ta theo hướng nào nên mặc dù Bộ luật tổ tụng hình sự năm 2003 đã có những sửa đổi nhất định về việc tranh tụng cũng như trách nhiệm chứng minh tại phiên tòa, tuy nhiên yếu tố tranh tụng còn khá mờ nhạt, ranh giới giữa các chức năng buộc tội, bào chữa, xét xử chưa thật sự rõ ràng, đồng thời việc xác định trách nhiệm chứng minh vụ án chưa cụ thể. Trình tự, thủ tục tại phiên tòa quy định chưa phù hợp làm hạn chế chức năng xét xử của Tòa án cũng như chức năng buộc tội của Viện kiểm sát và hạn chế chức năng bào chữa của Người bào chữa. Theo qui định tại điều 56 Bộ luật tổ tụng năm 2003 qui định “trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của người bào chữa kèm theo giấy tờ liên quan đến việc bào chữa, cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải xem xét cấp giấy chứng nhận người bào chữa để họ thực hiện việc bào chữa...”. tuy nhiên trên thực tế Người bào chữa muốn được cấp giấy chứng nhận bào chữa là một việc khó khăn bởi nhiều nguyên nhân, như cơ quan tiến hành tố tụng ngại có Luật sư tham gia, có vụ án các Luật sư không làm đúng chức trách của mình. Từ đó việc thu thập chứng cứ để gỡ tội cho bị can, bị cáo là vô cùng khó khăn, làm hạn chế quyền bào chữa, từ đó cho thấy bên buộc tội và bên gỡ tội không bình đẳng với nhau khi thực hiện quyền của họ.

Bộ luật tổ tụng hình sự năm 2003 quy định trình tự xét hỏi do Chủ tọa phiên tòa hỏi trước, rồi đến Hội thẩm, Kiểm sát viên, Luật sư... là chưa phù hợp với thực tế cũng như theo tinh thần cải cách tư pháp. Có những vụ án, Hội đồng xét xử “lấn sân” hỏi hết cả phần của Kiểm sát viên, Luật sư dẫn đến việc khi chủ tọa phiên tòa quay sang hỏi Kiểm sát viên, Luật sư xem có ai tham gia phân xét hỏi không thì nhận được câu trả lời “nhận thấy Hội đồng xét xử đã hỏi rõ những vấn đề liên quan đến vụ án nên Kiểm sát viên không tham gia phân xét hỏi”, còn Luật sư thì trả lời “chúng tôi không xét hỏi gì thêm”. Thực trạng này đã biến phiên tòa trở thành nơi “độc diễn” của Hội đồng xét xử. Chúng ta đều biết chức năng buộc tội xuất hiện trước tiên và là tiền đề cần thiết cho chức năng xét xử.

Trong mối quan hệ giữa Kiểm sát viên và Hội đồng xét xử tại phiên tòa thì Kiểm sát viên phải chủ động thực hiện các hoạt động buộc tội bằng cách chủ động xét hỏi để làm rõ các tình tiết của vụ án vì chính Viện kiểm sát là chủ thể truy tố bị cáo ra trước tòa bằng bản cáo trạng kết tội bị cáo. Về nguyên tắc, ai đưa ra yêu cầu thì người đó phải chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ, là đúng pháp luật. Nghị quyết 49/BCT xác định cần nâng cao tranh tụng tại phiên tòa, trong khi Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 tại chương XX qui quá trình xét xử theo trình tự thẩm vấn. Do vậy, quy định của pháp luật tố tụng hiện hành về trình tự xét hỏi tại phiên tòa thể hiện sự bất cập, cần phải được sửa đổi.

Phân tranh luận chính là phần thể hiện tính tranh tụng nhất nhưng Chủ tọa phiên tòa chưa biết cách điều khiển để người bào chữa, bị cáo và những người tham gia tranh luận khác tranh luận với Viện kiểm sát. Khi tranh luận thì trình bày “*chiếu lệ*”, thiếu cơ sở, thiếu chứng cứ thuyết phục, hoặc có không ít trường hợp quan điểm bên buộc tội và bào chữa là khác nhau, theo quy định pháp luật tố tụng hình sự các bên phải “*tranh luận*” với nhau nhưng Kiểm sát viên đã từ chối với lý do hết sức nhẹ nhàng: “*chúng tôi vẫn giữ quan điểm như cáo trạng đã truy tố*”. Gặp trường hợp này thay vì Hội đồng xét xử phải yêu cầu Kiểm sát viên tranh luận để làm rõ những ý kiến, đề nghị của người bào chữa, nhưng lại dễ dãi cho qua, thậm chí nhiều chủ tọa phiên tòa còn bảo vệ cho bên buộc tội nên đã tranh luận với bên bào chữa.

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 chưa quy định nguyên tắc tranh tụng, dẫn đến việc chưa áp dụng triệt để yếu tố tranh tụng trong phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Vướng mắc từ cơ cấu tổ chức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng.

Ngoài những bất cập của pháp luật thì hạn chế do con người (năng lực, trình độ chuyên môn) của chủ tọa phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Kiểm sát viên, Luật sư... chưa giỏi, chưa sâu là nguyên nhân chính dẫn đến bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm bị Tòa án cấp phúc thẩm hủy, sửa. Năng

lực, trình độ chuyên môn được thể hiện ở hai khía cạnh là trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm khi tham gia phiên tòa.

Đối với Thẩm phán, kỹ năng điều khiển phiên tòa còn hạn chế. Một số Thẩm phán không chịu tu dưỡng, rèn luyện nâng cao trình độ nghề nghiệp và kỹ năng xét xử, tự thỏa mãn với trình độ, bằng cấp hiện có nên còn nhiều lúng túng, bị động khi phải xử lý tình huống thực tiễn xét xử tại phiên tòa hoặc ra quyết định trái với quy định pháp luật và vi phạm nghiêm trọng trình tự tố tụng. Bên cạnh đó, trình độ hiểu biết về pháp luật quốc tế, kiến thức xã hội, trình độ ngoại ngữ cũng như tin học của đội ngũ Thẩm phán còn nhiều bất cập. Vẫn còn những Thẩm phán thiếu bản lĩnh chính trị, thiếu ý thức rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống nên đã có các hành vi vi phạm trong thực hiện công vụ, thậm chí vi phạm pháp luật bị xử lý hình sự.

Đối với Hội thẩm nhân dân đa phần là những người còn kiêm nhiệm hoặc đã nghỉ hưu nên về độ tuổi cũng như trình độ chuyên môn còn có phần bị hạn chế. Nhiều Hội thẩm nhân dân không nghiên cứu hồ sơ trước khi ra ngồi xét xử hoặc có nghiên cứu thì cũng đại khái qua loa chưa đáp ứng được yêu cầu của người có quyền phán quyết ngang với Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa.

Đối với Kiểm sát viên và Luật sư là kỹ năng tranh tụng và mất cân đối về số lượng giữa Luật sư và kiểm sát viên(ví dụ 01 tỉnh có 180 Kiểm sát viên thì chỉ có khoảng 30 Luật sư). Một số vụ án Kiểm sát viên và Luật sư đã bộc lộ chưa có khả năng hệ thống, tổng hợp và phân tích đầy đủ các chứng cứ của vụ án; kỹ năng tranh luận, đối đáp tại phiên tòa còn hạn chế, chưa sắc bén, đặc biệt là những vụ án phức tạp, các bị cáo thực hiện tội phạm có tính chất đồng phạm...

Thực trạng hiện nay trình độ, năng lực, cái tâm và cái tầm của Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư vẫn chưa đồng đều, chưa làm hết trách nhiệm được giao. Cơ chế tiền lương và các chế độ đãi ngộ còn quá thấp so với nhiệm vụ được giao, số lượng án mà thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết hàng năm ngày càng quá tải, vì vậy nhà nước cần phải tình đến lộ trình cải cách tiền lương

cho công việc đặt thù, tổ chức nhiều hơn nữa việc tập huấn chuyên sâu cho đội ngũ những người tiến hành tố tụng.

Hiện nay Tòa án nhân dân cấp huyện chưa thành lập tòa chuyên trách mà thẩm phán phải xét xử tất cả các loại án do Chánh án phân công vì vậy công tác nghiên cứu pháp luật không sâu để dẫn đến việc xét xử bị cấp phúc thẩm hủy, sửa án.

Bên cạnh đó hiện nay, cơ sở vật chất, trang thiết bị của ngành Tòa án nhân dân nói chung và Tòa án nhân dân thành phố Tân An phần lớn đã xuống cấp, không đáp ứng đủ phòng làm việc và phòng xét xử, các điều kiện làm việc khác cũng chưa được trang cấp, phục vụ kịp thời, không có phòng riêng cho Viện kiểm sát ngồi, không có phòng tạm giữ bị cáo, không có phòng cách ly cách ly cho người làm chứng và các bên tham gia tố tụng, ảnh hưởng đến tính trang nghiêm của phiên tòa cũng như ảnh hưởng nhiều đến quá trình tranh tụng tại phiên tòa. Đồng thời trang thiết bị cần thiết phục vụ cho công tác cũng chưa được đáp ứng. Đây là những bất cập, vướng mắc cần phải khắc phục, giải quyết triệt để trong giai đoạn tới.

Kết luận chương 2: luận văn đã làm rõ các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về trình tự, thủ tục phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự và thực tiễn áp dụng những quy định này tại ngành Tòa án nhân dân Thành phố Tân An. Đồng thời qua đó luận văn cũng đã phân tích những bất cập, vướng mắc của quy định pháp luật tố tụng hình sự hiện hành liên quan đến trình tự thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án hình sự để có hướng hoàn thiện nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa.

2.2.2. So sánh với Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

Ngày 27/11/2015 Quốc hội khóa XIII đã thông qua Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết thi hành Bộ luật, theo đó Bộ luật tố tụng hình sự có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016. Đây là đạo luật quan trọng về tố tụng tư pháp liên quan trực tiếp đến quyền con người, quyền công dân theo tin thần Hiến pháp năm 2013. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung các qui định

của Bộ luật tố tụng năm 2003 để khắc phục những khó khăn, bất cập trong công tác điều tra, truy tố và xét xử các vụ án hình sự, trên cơ sở kế thừa Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung một cách cơ bản, toàn diện. Trong phạm vi đề tài tác giả chỉ so sánh các điều luật về trình tự xét xử phiên tòa hình sự sơ thẩm với Bộ luật tố tụng hình sự 2015

2.2.2.1. Về các nguyên tắc cơ bản trong Bộ luật tố tụng hình sự 2015

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 dành 01 chương quy định các nguyên tắc cơ bản với số lượng 30 nguyên tắc, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã bổ sung một số nguyên tắc mới như: Nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân(Điều 8), nguyên tắc suy đoán vô tội(Điều 13) đây là nguyên tắc hoàn toàn mới cụ thể “...*khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kết luận người bị buộc tội không có tội*”; nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại, đương sự (Điều 16); nguyên tắc Thẩm phán, hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật(Điều 23) nguyên tắc này bổ sung quy định về việc nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, hội thẩm. đồng thời cũng bổ sung các chế tài xử lý khi nguyên tắc này bị vi phạm; nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm(Điều 26) nguyên tắc này đã thể chế hóa sự lãnh đạo của Đảng, một trong những vấn đề trọng tâm của chiến lược cải cách tư pháp theo tinh thần Nghị quyết 49/NQ-TW là xác định hướng đi căn bản của mô hình tố tụng hình sự của Việt Nam, nhằm đảm bảo tốt nhất yếu tố công bằng, khách quan trong quá trình xét xử và cụ thể hóa nguyên tắc tranh tụng được bảo đảm, nguyên tắc này đòi hỏi mọi hoạt động xét xử phải đảm bảo tranh tụng giữa người có thẩm quyền tố tụng, người bị buộc tội, người bào chữa, những người tham gia tố tụng khác. Tòa án có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện theo qui định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 để họ thực hiện các quyền và nghĩa vụ trong việc tranh tụng. Ngoài ra trong phần các nguyên tắc cơ bản Bộ luật tố tụng hình sự 2015

còn sửa đổi nguyên tắc thực hiện hai cấp xét xử” được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự 2003 thành nguyên tắc “chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm”

2.2.3.2. Về Người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng

Bộ luật tố tụng hình sự 2015 đã bổ sung diện người tiến hành tố tụng gồm: Cán bộ điều tra, kiểm tra viên, thẩm tra viên và quy định cụ thể nhiệm vụ của họ khi được phân công giúp việc cho điều tra viên, kiểm sát viên, Chánh án Tòa án.

Về cơ quan tiến hành tố tụng theo(Điều 35) Bộ luật tố tụng hình sự 2015 bổ sung cơ quan Kiểm ngư là cơ quan được giao một số hoạt động điều tra.

2.2.3.3. Về Người bào chữa bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại, của đương sự

Bộ luật tố tụng hình sự 2015 bổ sung diện người bào chữa là trợ giúp viên pháp lý để bào chữa miễn phí cho các đối tượng chính sách, đồng thời Bộ luật tố tụng hình sự 2015 cũng bổ sung một số quyền của người bào chữa khi tham gia tố tụng để đảm bảo tranh tụng như quyền được gặp, hỏi người bị buộc tội, đề nghị tiến hành hoạt động theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; đổi mới thủ tục cấp giấy chứng nhận cho người bào chữa thành thủ tục “đăng ký bào chữa” tạo điều kiện thuận lợi cho người bào chữa tham gia tố tụng, đơn giản các thủ tục, đảm bảo quyền bào chữa cho người bị bắt, bị can, bị cáo

2.2.3.4. Về đảm bảo các nguyên tắc tranh tụng trong xét xử

Bộ luật tố tụng hình sự 2015 quy định tại các điều 73, 81, 88, 360, 279, 290, 291, 320, 322, 326, để đảm bảo quyền tư pháp, bảo đảm khách quan, công bằng, công lý Tòa án có quyền xác minh, thu thập chứng cứ(Điều 252), người bị buộc tội và người bào chữa có quyền thu thập và cung cấp chứng cứ(Điều 71,81,88).....

Bộ luật tố tụng hình sự 2015 quy định đổi mới về trình tự xét hỏi và trách nhiệm trong việc xét hỏi theo hướng việc xét hỏi do chủ tọa phiên tòa quyết định trình tự xét hỏi, quyết định ai hỏi trước, ai hỏi sau, bị cáo có quyền đặt câu hỏi trực tiếp với người bị hại, người làm chứng nếu được chủ tọa đồng ý thay vì chỉ

có quyền đề nghị chủ tọa hỏi theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003(Điều 320,322), đồng thời Bộ luật tố tụng hình sự 2015 cũng quy định rõ nguyên tắc bản án, quyết định của Tòa án phải dựa trên cơ sở kết quả thẩm vấn, tranh tụng và những chứng cứ được xem xét tại phiên tòa(Điều 15,26,260,326)

2.2.3.5. Về đảm bảo cho Tòa án thực hiện quyền tư pháp

Theo tinh thần Hiến pháp năm 2013 và Luật tổ chức Tòa án năm 2014, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định Tòa án có quyền kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý văn bản pháp luật trái với Hiến pháp, Luật, Nghị quyết của Quốc hội, đồng thời quy định Tòa án có quyền xem xét, kết luận về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Luật sư trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử...(điều 251, 318)

2.2.3.6. Về giới hạn trong việc xét xử

Đổi mới quy định về giới hạn trong việc xét xử tại điều 196 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, tại điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 quy định “ Tòa án xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và Tòa án đã quyết định đưa ra xét xử. Tòa án có thể xét xử bị cáo theo khoản khác với khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật hoặc về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội mà Viện kiểm sát truy tố. Trường hợp xét thấy cần xét xử bị cáo về tội danh nặng hơn tội danh mà Viện kiểm sát truy tố thì Tòa án trả hồ sơ để Viện kiểm sát truy tố lại, nếu Viện kiểm sát vẫn giữ tội danh như đã truy tố thì Tòa án có quyền xét xử bị cáo theo tội danh nặng hơn tội danh mà Viện kiểm sát truy tố”. Quy định này phù hợp với tinh thần Hiến pháp 2013 đồng thời cũng tháo gỡ không ít khó khăn trong thực tiễn xét xử của Tòa án, đảm bảo sự độc lập của Tòa án trong xét xử, phán quyết của Tòa án phải trên cơ sở kết quả xét hỏi, tranh tụng và những chứng cứ được kiểm tra tại phiên tòa

Ngoài ra Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 còn sửa đổi bổ sung nhiều điều luật khác như thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi, thủ tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân ...

Như vậy Phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm là giai đoạn trung tâm, quan trọng của việc xét xử và cả quá trình tố tụng hình sự. Tại phiên tòa hội đồng xét xử xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của người tham gia tố tụng, của Viện kiểm sát để quyết định xử lý vụ án và kết luận một người có tội hay không có tội.

Bộ luật tố tụng năm 2015 cụ thể hóa Hiến pháp 2013 và Luật tổ chức Tòa án nhân dân 2014 và khắc phục được những khó khăn, bất cập trong công tác điều tra, truy tố và xét xử các vụ án hình sự, bảo đảm cho Tòa án thực hiện có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ được giao bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng cho người dân, bảo vệ quyền con người và bảo vệ pháp chế Xã Hội Chủ Nghĩa.

Chương 3

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ PHIÊN TÒA XÉT XỬ HÌNH SỰ SƠ THẨM Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

3.1. Các định hướng hoàn thiện pháp luật về phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm ở nước ta hiện nay.

Chiến lược cải cách tư pháp được thể hiện rõ nét trong các Nghị quyết của Trung ương (Nghị quyết TW8 khóa VII; Nghị quyết TW3 khóa VIII, Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX...) và đặc biệt là trong Nghị quyết số 08 – NQ/TW ngày 02/1/2002 của Bộ chính trị “Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới” và Nghị quyết số 49 –NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ chính trị “Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” xác định rõ : “*Khi xét xử, các tòa án phải bảo đảm cho mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, thực sự dân chủ, khách quan; Thẩm phán và hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; việc phán quyết của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của người bào chữa, bị cáo, nhân chứng, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền, lợi ích hợp pháp để ra những bản án, quyết định đúng pháp luật, có sức thuyết phục và trong thời hạn pháp luật quy định*”; “*Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử được tiến hành có hiệu quả và hiệu lực cao*”; “*Đổi mới việc tổ chức phiên tòa xét xử, xác định rõ hơn vị trí, quyền hạn, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng theo hướng bảo đảm tính công khai, dân chủ, nghiêm minh; nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp*”.

Như vậy, cốt lõi trong chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 ở nước ta là làm sao để đưa Tòa án có vị trí trung tâm trong hệ thống các cơ quan tư pháp

và nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử chính là khâu đột phá trong hoạt động tư pháp. Hoạt động tố tụng của Tòa án biểu hiện qua xét xử ở phiên tòa, nhất là việc xét xử ở cấp đầu tiên là xét xử sơ thẩm.

3.2.Các giải pháp hoàn thiện phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm ở nước ta hiện nay.

3.2.1.Tăng cường nhận thức, xác định mô hình tố tụng hình sự ở nước ta trong thời gian tới.

Sự ra đời của Nghị quyết số 08 – NQ/TW và Nghị quyết số 49 – NQ/TW của Bộ Chính trị, Đảng ta đã chủ trương đẩy mạnh tranh tụng và xem đây là giải pháp quan trọng, tạo những bước cải cách có tính đột phá trong hoạt động tư pháp hình sự. Trên cơ sở xác định mô hình tố tụng hình sự hiện nay của nước ta là mô hình pha trộn, chịu ảnh hưởng lớn của mô hình tố tụng hình sự lục địa, vấn đề tiếp theo là chúng ta hoàn thiện mô hình tố tụng hình sự này theo hướng nào?. Giải pháp đúng trong việc hoàn thiện mô hình tố tụng hình sự Việt Nam là phải xuất phát từ đặc thù lịch sử, đặc thù về chế độ Nhà nước, đặc điểm về hoàn cảnh địa lý, thực tiễn hiện nay ... Hay nói một cách khác nghĩa là tiếp tục duy trì những ưu điểm của mô hình tố tụng hình sự thẩm vấn, tiếp thu những hạt nhân hợp lý của mô hình tố tụng hình sự tranh tụng đó là tiếp tục xác định Tòa án có trách nhiệm trong việc xác định sự thật của vụ án. Theo đó, Tòa án vẫn nghiên cứu hồ sơ vụ án trước khi mở phiên tòa. Tại phiên tòa, sau phần thẩm vấn của Kiểm sát viên và người bào chữa mà thấy còn những vấn đề chưa rõ, chưa đủ cơ sở cho việc ra phán quyết thì Thẩm phán chủ tọa phiên tòa yêu cầu Kiểm sát viên, người bào chữa thẩm vấn thêm hoặc trực tiếp tiến hành thẩm vấn bị cáo, nhân chứng và những người tham gia tố tụng khác. Cải tiến các thủ tục tố tụng tại phiên tòa để bảo đảm tranh tụng dân chủ, bình đẳng giữa bên buộc tội và bên bào chữa. Xác định rõ, chứng minh tội phạm là nghĩa vụ của bên buộc tội (Viện kiểm sát, Kiểm sát viên). Bên bào chữa được tạo cơ hội bình đẳng như Viện kiểm sát trong việc thực hiện chức năng bào chữa, chứng minh bị can, bị cáo không phạm tội hoặc giảm tội, giảm mức hình phạt. Các yêu cầu của bên buộc tội và bên bào chữa phải được Tòa án quan tâm đáp ứng như nhau. Tòa án phải thực sự là hiện thân của công lý, của sự khách quan, vô tư trong quá trình

xét xử vụ án. Tòa chỉ thực hiện chức năng xét xử, bất kỳ thẩm quyền nào của Tòa án mâu thuẫn với chức năng xét xử, ảnh hưởng đến tính khách quan của Tòa án đều phải bị loại bỏ. Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện để các bên tranh tụng dân chủ tại phiên tòa; tôn trọng và lắng nghe đầy đủ ý kiến của các bên, ra phán quyết trên cơ sở kết quả tranh tụng dân chủ tại phiên tòa.

Mặc dù, Bộ luật tố tụng hình sự 2003 tinh thần của nguyên tắc tranh tụng được quy định rải rác tại các Điều 11, 19, 48, 49, 50, 51, 52, 207, 217, 219... nhưng chưa được quy định là một nguyên tắc độc lập. Do đó, nếu tranh tụng được quy định thành một nguyên tắc thì hoạt động tranh tụng tại phiên tòa sẽ được chú trọng hơn, góp phần khẳng định phiên tòa sẽ chất lượng và chuyên nghiệp. Tranh tụng xuất hiện trong suốt quá trình tố tụng từ thời điểm khởi tố cho đến khi giải quyết xong vụ án, bởi lẽ có buộc tội là có gỡ tội nên tranh tụng cũng có từ đó. Việc đưa nguyên tắc tranh tụng vào Bộ luật tố tụng hình sự không có nghĩa pháp luật tố tụng hình sự nước ta chuyển đổi sang mô hình tố tụng tranh tụng. Nguyên tắc này chỉ làm cho nền tố tụng hình sự tiến bộ hơn vì một mục tiêu cải cách tư pháp là sự tranh tụng tại tòa để soi rọi bản chất vụ án. Ghi nhận nguyên tắc này cũng là sự phù hợp với xu hướng phát triển chung của Thế giới, phù hợp với yêu cầu khách quan của tư pháp hình sự và là cơ sở pháp lý quan trọng để các bên tranh tụng được bình đẳng, ngang quyền với nhau trong việc thực hiện chức năng tố tụng của mình.

3.2.2. Tăng cường việc áp dụng pháp luật tố tụng hình sự 2015.

Bộ luật tố tụng hình sự 2015 đã được Quốc Hội thông qua và sẽ có hiệu lực từ ngày 01/7/2016, để việc áp dụng pháp luật tố tụng hình sự trong công tác điều tra, truy tố và xét xử đạt hiệu quả, đảm bảo việc tranh tụng tại phiên tòa, thực hiện có hiệu quả chức năng xét xử cần tăng cường việc áp dụng và thực hiện tốt tinh thần các qui định của Bộ luật tố tụng hình sự sau đây:

Xếp lại mô hình của phiên tòa xét xử vụ án hình sự: thay vì Kiểm sát ngồi ngang hàng với Hội đồng xét xử nên thiết kế lại để Kiểm sát viên ngồi ngang hàng với người bào chữa. Vì nếu như cách sắp xếp như hiện nay thì chỗ ngồi của Luật sư

có phần lép vế so với Kiểm sát viên, quá thấp và quá xa bị cáo, chưa tương xứng với vai trò của họ là một bên tranh tụng. Thư ký tòa cũng được bố trí ngồi ở vị trí hợp lý khác, không thể ngồi trên và ngang hàng với Hội đồng xét xử. Thiết kế lại mô hình phiên tòa như vậy mới thể hiện được sự cân bằng giữa chức năng buộc tội và chức năng bào chữa; chức năng xét xử mới thật sự là chức năng trung tâm, hoạt động xét xử mới là hoạt động trọng tâm có tính chất quyết định, tại phiên tòa Kiểm sát viên chỉ là người tham gia tố tụng, hoàn toàn độc lập và bình đẳng với bên bào chữa. Đây là biểu hiện, là điều kiện để áp dụng nguyên tắc tranh tụng trong Tố tụng hình sự.

Xây dựng đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân có trình độ chuyên môn giỏi, có phẩm chất đạo đức tốt, đáp ứng yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp hiện nay. Đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm vì nó liên quan trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả của việc tổ chức thực hiện phiên tòa xét xử hình sự. Báo chí đã đưa tin về nhiều vụ án cho thấy chất lượng xét xử các vụ án của các Tòa án chưa cao, còn có trường hợp bỏ lọt tội phạm hoặc làm oan người vô tội, vi phạm pháp luật tố tụng. Trình độ nghiệp vụ của Thẩm phán còn hạn chế nên dễ bị lệ thuộc vào kết quả điều tra, khó có thể độc lập trong khi thực hiện chức năng xét xử. Hơn nữa, giữa các Thẩm phán trong cùng một Hội đồng xét xử, trình độ chuyên môn, năng lực xét xử, kinh nghiệm công tác khác nhau nên nhiều khi có sự phụ thuộc, ỷ lại với nhau. Do đó, việc xây dựng một cơ chế đào tạo đồng bộ, toàn diện cho các Thẩm phán là cần thiết trong tình hình hiện nay.

Trước hết cần tập trung xây dựng tiêu chuẩn của Thẩm phán và Hội thẩm cho phù hợp và khoa học, các tiêu chuẩn này phải thể hiện năng lực trên nhiều mặt (trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng điều khiển phiên tòa, tác phong, ngôn phong, phẩm chất đạo đức, trình độ tin học, ngoại ngữ ...) và phải có sự phân hóa đối với từng cấp, từng vị trí công việc cụ thể. Cần tiến hành rà soát lại đội ngũ cán bộ Tòa án, đối chiếu với các tiêu chuẩn theo quy định, xác định những mặt mạnh và những mặt hạn chế để xây dựng chiến lược cán bộ Tòa án từ nay đến 2020. Đối với những trường hợp nào không còn đủ tiêu chuẩn cần kiên quyết cho đi đào tạo lại hoặc bố trí công việc khác phù hợp với khả năng, chuyên môn. Cùng với việc đào

tạo về chuyên môn nghiệp vụ, cần chú trọng việc bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, các kiến thức xã hội, khả năng sử dụng các kỹ thuật tiên tiến và kỹ năng thực hiện công tác dân vận cho đội ngũ cán bộ Tòa án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân nhất là ở cấp quận, huyện. Nghiên cứu tiến tới thực hiện việc thi sát hạch trước khi bổ nhiệm cán bộ có chức danh tư pháp. Nghiên cứu thủ tục bổ nhiệm theo hướng gọn, kịp thời, bảo đảm dân chủ, công khai nhằm xây dựng một đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân giỏi về nghiệp vụ chuyên môn, trong sáng về phẩm chất đạo đức, đáp ứng sự mong mỏi của nhân dân.

Tăng cường trách nhiệm cho các Thẩm phán và Hội thẩm. Khi trách nhiệm của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân được tăng cường, họ phải chịu trách nhiệm về phán quyết của mình thì tinh thần trách nhiệm của họ với nhiệm vụ được giao sẽ được nâng cao và bản thân họ sẽ độc lập trong việc ra các phán quyết. Các Thẩm phán, Hội thẩm phải chịu trách nhiệm về những phán quyết mà mình đưa ra nhất là các trường hợp kết án oan người không có tội, cho hưởng án treo không đúng quy định của pháp luật đối với các bị cáo phạm tội về tham nhũng, vi phạm an toàn giao thông những trường hợp có tỷ lệ các bản án, quyết định bị hủy sửa cao do lỗi chủ quan của Thẩm phán hoặc các trường hợp sai sót do lỗi chủ quan gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, ảnh hưởng đến uy tín của nền tư pháp quốc gia. Trách nhiệm này cần được tập trung vào việc xây dựng bộ quy tắc ứng xử nghề nghiệp hợp lý và một cơ chế kỷ luật phù hợp đối với Thẩm phán hơn là việc quy định trách nhiệm bồi thường cá nhân khi xét xử oan người vô tội. Nghiên cứu các quy định về bồi thường do bị oan theo Nghị quyết 388 của Ủy ban thường vụ quốc hội đối với Thẩm phán cho thấy có nhiều điểm còn bất cập. Mục đích của trách nhiệm bồi thường cá nhân đối với Thẩm phán là thu lại khoản tiền ngân sách Nhà nước đã bỏ ra để bồi thường là khó có thể đạt được (với thu nhập của Thẩm phán như hiện nay họ sẽ không có khả năng tài chính để bồi thường); Thẩm phán sẽ cảm thấy bị áp lực nặng nề sẽ tìm đến và lệ thuộc vào “tập quán duyệt án, thỉnh thị án” để chia sẻ trách nhiệm.

Tăng cường và mở rộng các hoạt động hợp tác quốc tế, tích cực tham gia các diễn đàn quốc tế liên quan tới công tác Tòa án; chuẩn bị tốt nguồn nhân lực tham

gia vào các định chế tài phán quốc tế. Cùng với sự hội nhập quốc tế về kinh tế, văn hóa... là sự “lây lan” của các tội phạm có tính chất quốc tế vào Việt Nam. Xuất hiện ngày càng nhiều tình trạng người Việt Nam phạm tội ở nước ngoài, người nước ngoài phạm tội ở Việt Nam hoặc dùng Việt Nam là “bàn đạp” để thực hiện tội phạm ở nước thứ ba... Xuất phát từ đòi hỏi của thực tế, Bộ luật tố tụng hiện hành đã dành Chương XXXVI để quy định chung về hợp tác quốc tế trong hoạt động tố tụng hình sự và Tòa án được xác định là cơ quan đầu mối trong tương trợ tư pháp về hình sự. Hợp tác quốc tế liên quan tới hoạt động xét xử của Tòa án đã góp phần không nhỏ trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, đặc biệt là các tội phạm có tổ chức và khủng bố. Mặt khác cũng giúp cho Việt Nam chúng ta học hỏi được kinh nghiệm xét xử, cách thức điều khiển phiên tòa của các nước mà Việt Nam ký kết thỏa thuận hợp tác quốc tế trên lĩnh vực liên quan đến Tòa án. Từ đó đổi mới cách thức tổ chức phiên tòa cho phù hợp với yêu cầu cải cách tư pháp và yêu cầu hội nhập quốc tế trong giai đoạn hiện nay.

Đối với Kiểm sát viên là một bên khi tham gia tranh tụng, do đó trình độ chuyên môn nghiệp vụ của Kiểm sát viên rất quan trọng, trách nhiệm, kinh nghiệm của Kiểm sát viên sẽ góp phần nâng cao chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Để đạt được như vậy ngoài kiến thức chuyên môn giỏi, kinh nghiệm ngồi xét xử nhiều đòi hỏi Kiểm sát viên phải nắm vững các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực đấu tranh phòng, chống tội phạm. Ngành Kiểm sát cần xây dựng chế tài xử lý khi Kiểm sát viên không tham gia tranh luận, không đối đáp với Luật sư bào chữa và những người tham gia tố tụng khác ví dụ chế tài cắt thi đua hàng năm, xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ... Ngoài ra, hàng năm ngành Kiểm sát phải mở thêm các lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật, trao đổi nghiệp vụ định kỳ, hướng dẫn kỹ năng tranh luận, kỹ năng đối đáp và giải quyết các tình huống tại phiên tòa cho Kiểm sát viên.

Đối với Người bào chữa, cần tăng cường đội ngũ Luật sư (cả về số lượng và chất lượng) và nâng cao vai trò, vị trí của Luật sư trong quá trình tranh tụng như Nghị quyết số 49 đã nêu “*Đào tạo, phát triển đội ngũ Luật sư đủ về số lượng, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có trình độ chuyên môn. Hoàn thiện cơ chế bảo đảm*

để Luật sư thực hiện tốt việc tranh tụng tại phiên tòa đồng thời xác định rõ chế độ trách nhiệm đối với Luật sư...”. Để đạt được điều này, trước hết cần phải mở nhiều lớp đào tạo Luật sư vừa đảm bảo về số lượng, vừa đảm bảo về chất lượng đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, tiếp đến hàng năm Liên đoàn Luật sư cũng cần rút kinh nghiệm từ thực tế cho các Luật sư, đồng thời Tòa án, Viện kiểm sát cần tạo điều kiện cho Luật sư tham gia tố tụng, rút ngắn thủ tục cấp Giấy chứng nhận, tạo điều kiện Luật sư tiếp cận đọc và photo hồ sơ được nhanh.

3.2.3 . Tăng cường điều kiện thực hiện có hiệu quả Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật tiên bộ, hiện đại đồng bộ trong phòng xét xử nói riêng và trụ sở Tòa án nói chung nhằm đáp ứng cho việc tổ chức phiên tòa được tốt, cụ thể như: âm thanh, ánh sáng trong phòng xử phải đạt chuẩn để những người đi tham dự phiên tòa cũng như bản thân bị cáo, người tham gia tố tụng khác nghe rõ, theo dõi được diễn biến của phiên tòa. Đối với những phòng xử án lớn, xử những án trọng điểm cần có màn hình Led chiếu ra ngoài để mọi người quan tâm tiện theo dõi. Phòng xử phải có diện tích, bàn ghế phù hợp quy cách, đảm bảo chất lượng... Tăng cường công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Tòa án theo đề án tổng thể phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành Tòa án giai đoạn 2016 – 2021.

Kết luận chương 3

Ở Chương 3 của luận văn đã nêu và phân tích những kiến nghị nhằm sửa đổi, bổ sung pháp luật tố tụng hình sự và hoàn thiện về yếu tố con người cũng như điều kiện khác nhằm đảm bảo cho việc đổi mới tổ chức phiên tòa xét xử, xác định rõ hơn vị trí, quyền hạn, nâng cao trách nhiệm của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng theo hướng bảo đảm tính công khai, dân chủ, nghiêm minh; nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử như Nghị quyết số 49NQ/TW của Bộ chính trị đã nêu.

KẾT LUẬN

Trong những năm gần đây, để từng bước xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam, Đảng và Nhà nước đã thực hiện nhiều hoạt động như rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, tăng cường các định chế kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện pháp luật; Đổi mới bộ máy Nhà nước từ việc tổ chức đến hoạt động, trong đó, chú trọng đến công tác cải cách hành chính, cải cách tư pháp; phát huy tính năng động sáng tạo, dân chủ của người dân trong mọi lĩnh vực. Đây là tiền đề, điều kiện căn bản, để xây dựng nhà nước pháp quyền.

Mục tiêu của Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 mà Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ chính trị đã đề ra là: *"Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử được tiến hành có hiệu quả và hiệu lực cao"*. Nhằm hạn chế tối đa oan sai, tiêu cực, xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật đồng thời Tòa án phải là khâu trung tâm của quá trình cải cách tư pháp và xét xử là trọng tâm của toàn bộ hoạt động tư pháp. Thông qua hoạt động xét xử, Tòa án góp phần quan trọng vào việc thực hiện nhiệm vụ phát hiện chính xác, nhanh chóng, xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội, góp phần bảo vệ pháp chế Xã hội chủ nghĩa. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, giáo dục công dân nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật và kỷ cương đất nước.

Chính vì vậy, ngay ở giai đoạn xét xử sơ thẩm đặc biệt là tại phiên tòa xét xử đòi hỏi những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng phải tập trung trí tuệ, xử lý các tình huống một cách mau lẹ, các lý lẽ đưa ra không chỉ đòi hỏi sự chính xác mà phải có sức thuyết phục, nhưng đồng thời lại phải tuân theo những quy định của pháp luật. Thông qua phiên tòa có thể đánh giá được trình độ nghiệp vụ của Thẩm phán, của Hội thẩm, của Kiểm sát viên, của Luật sư

và những người tham gia tố tụng tố tụng thạc. Cũng thông qua phiên toà mà Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên, Luật sư nâng cao được trình độ nghiệp vụ năng lực công tác và kỹ năng nghề nghiệp; Thông qua phiên toà, những người dự phiên toà hiểu biết thêm về pháp luật, củng cố thêm lòng tin vào Toà án. Vì vậy, việc tổ chức phiên toà sơ thẩm tốt có tác dụng to lớn không chỉ đối với một vụ án cụ thể mà còn có tác dụng đối với việc nâng cao ý thức pháp luật cho mọi công dân.

Phiên toà xét xử sơ thẩm trong tố tụng hình sự phải đảm bảo tính khách quan, công bằng, dân chủ và phải tuân thủ các trình tự, thủ tục tố tụng hình sự do pháp luật quy định. Đây là cơ sở để đánh giá tính hợp pháp của các bản án, quyết định sơ thẩm và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

Bên cạnh những kết quả đạt được thì những hạn chế, bất cập trong tổ chức phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hình sự còn có một số nguyên nhân như: hệ thống pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự còn chưa được đồng bộ, thống nhất; năng lực, trình độ của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đặc biệt là thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, Hội thẩm nhân dân, Kiểm sát viên, Luật sư chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động xét xử của Tòa án còn hạn chế...

Để khắc phục những hạn chế, bất cập trong tổ chức phiên toà xét xử sơ thẩm, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp của đất nước trong bối cảnh hiện nay, chúng ta cần phải thực hiện đồng bộ một số giải pháp về hoàn thiện pháp luật hình sự và tố tụng hình sự theo hướng xây dựng mô hình tố tụng hình sự Việt Nam trên cơ sở, nền tảng những gì chúng ta hiện có, đó là xây dựng mô hình tố tụng hình sự pha trộn (hỗn hợp - kết hợp giữa mô hình tố tụng xét hỏi và mô hình tố tụng hình sự tranh tụng) nhưng thiên về tranh tụng; quy định lại trình tự xét hỏi tại phiên toà; bổ sung thêm nguyên tắc tranh tụng; đổi mới, tăng cường công tác đào tạo, nâng cao năng lực trình độ cho đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Kiểm sát viên, Luật sư; Hoàn thiện cơ sở vật chất... là một hướng đi đúng đắn, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của đất nước và phù hợp với trào lưu pháp lý tố tụng hình sự trên thế giới hiện nay.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Duy Bình(2012) *thực tiễn và một số kiến nghị nhằm đảm bảo thực hiện nguyên tắc, thẩm phán và hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật*. Tạp chí Tòa án nhân dân số (11)
2. Bộ chính trị(2002) *Nghị quyết 08NQ/TW ngày 02/1/2002 của về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*.
3. Bộ chính trị(2005). *Nghị quyết số 49NQ/TW ngày 02/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*.
4. Nguyễn Hữu Chính (2012), *Một số vấn đề về tranh tụng tại phiên toà hình sự sơ thẩm*, Tạp chí Tòa án nhân dân số (13)
5. Nguyễn Đăng Dung (2006), “ nhà nước và trách nhiệm nhà nước”, Nxb tư pháp, Hà Nội.
6. Báo cáo tổng kết của Tòa án nhân dân Tp. Tân An các năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015.
6. Đảng cộng sản Việt Nam(2015). *Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XII*
7. Phạm Hồng Hải (2003), *Mô hình lý luận BLTTHS Việt Nam*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.
8. Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao (2004), *Nghị quyết 04/2004 ngày 05/11/2004 của hướng dẫn phần xét xử sơ thẩm*.
9. Học viện tư pháp (2012), *Kỹ năng giải quyết vụ án hình sự*, Nxb Công an nhân dân.
10. Nguyễn Thái Phúc (2007), *Mô hình tố tụng hình sự Việt nam những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Tạp chí khoa học pháp lý số (5)
11. Đinh Văn Quế (1999), “*Về hình thức tổ chức và thủ tục xét xử của phiên tòa hình sự*”, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật (số 2).
12. Đinh Văn Quế (2000), *Thủ tục xét xử sơ thẩm trong Luật TTHS Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia.

13. Đinh Văn Quế (2007), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự*, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.
14. Quốc Hội (2009-2015), *Bộ luật tố tụng hình sự*.
15. Hoàng Thị Minh Sơn (2009), *Hoàn thiện một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về thủ tục phiên toà sơ thẩm nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Tạp chí luật học số (10).
16. Nguyễn Văn Trọng (2008), *Thực trạng tranh tụng tại phiên toà hình sự và việc nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên toà theo tinh thần cải cách tư pháp*, Tạp chí Tòa án nhân dân số (13)
17. Nguyễn Trương Tín (2008), *Một số vấn đề về sự tham gia tranh tụng của kiểm sát viên tại phiên toà hình sự sơ thẩm trong điều kiện cải cách tư pháp*, Tạp chí Tòa án nhân dân số (19)
18. Nguyễn Thị Kim Thanh(2010), *Những hạn chế trong quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về giới hạn việc xét xử sơ thẩm*, Tạp chí Tòa án nhân dân số (20)
19. Nguyễn Văn Trọng (2010), *Cần sửa đổi, bổ sung một số thủ tục tố tụng tại phiên toà hình sự theo tinh thần cải cách tư pháp*, Tạp chí Tòa án nhân dân số (6)
20. Trường đại học Luật Hà Nội (2008), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự*, Nxb Công an nhân dân.
21. Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh (2012), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*.
22. Tòa án nhân dân thành phố Tân An, các bản án hình sự(2011, 2012, 2013, 2014, 2015).
23. Tòa án nhân dân thành phố Tân An(2011, 2012, 2013, 2014, 2015), *Báo cáo tổng kết*.
24. Viện kiểm sát nhân dân Tối cao (2010) , *sổ chuyên đề về mô hình tố tụng Việt Nam*.
25. Võ Khánh Vinh (2004), *Bình luận khoa học BLTTHS*, Nhà xuất bản công an nhân dân.

26. Trần Quốc Văn (2009), *Bàn về quy định trình tự phát biểu khi tranh luận tại phiên toà hình sự sơ thẩm*, Tạp chí toà án nhân dân số (16).